

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
PHÂN HIỆU ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG TẠI KON TUM



VONGSALASITH PASOMSIN

BÁO CÁO THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

**NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TÍN DỤNG
TẠI NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG
VIỆT NAM CHI NHÁNH KON TUM**

Kon Tum, tháng 6 năm 2021

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
PHÂN HIỆU ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG TẠI KON TUM



BÁO CÁO THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

**NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TÍN DỤNG
TẠI NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG
VIỆT NAM CHI NHÁNH KON TUM**

GVHD : Th.S NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

SVTH : VONGSALASITH PASOMSIN

LỚP : K11NH

MSSV : 17152340201023

Kon Tum, tháng 6 năm 2021

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	iii
DANH MỤC CÁC BẢNG VÀ SƠ ĐỒ	iv
LỜI MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Mục tiêu nghiên cứu	1
3. Đối tượng nghiên cứu	1
4. Phạm vi nghiên cứu	1
5. Phương pháp nghiên cứu	2
6. Kết cấu đề tài	2
CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CHẤT LƯỢNG TÍN DỤNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	3
1.1. KHÁI QUÁT VỀ HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	3
1.1.1. Các khái niệm liên quan	3
1.1.2. Nguyên tắc và điều kiện cấp tín dụng của Ngân hàng thương mại	3
1.1.3. Phân loại tín dụng ngân hàng	5
1.1.4. Vai trò tín dụng chất lượng	7
1.2. CHẤT LƯỢNG TÍN DỤNG	7
1.2.1. Khái niệm chất lượng dịch vụ ngân hàng	7
1.2.2. Khái niệm chất lượng tín dụng	7
1.2.3. Các chỉ tiêu đánh giá chất lượng tín dụng	8
1.3. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHẤT LƯỢNG TÍN DỤNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	9
1.3.1. Nhân tố chủ quan	9
1.3.2. Nhân tố khách quan	10
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG CHẤT LƯỢNG TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG – CHI NHÁNH KON TUM	12
2.1. TỔNG QUAN VỀ NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH KON TUM	12
2.1.1. Giới thiệu NHTM CP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Kon Tum.	12
2.1.2. Sự hình thành và Phát triển của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Kon Tum	12
2.1.3. Cơ cấu tổ chức Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Kon Tum	14
2.1.4. Tình hình hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Kon Tum	16
2.2. THỰC TRẠNG CHẤT LƯỢNG TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH KON TUM	19
2.2.1. Doanh số tín dụng	19

2.2.2. Dư nợ tín dụng và tỷ trọng dư nợ tín dụng.....	20
2.2.3. Hiệu suất sử dụng vốn	21
2.2.4.Nợ xấu/Tổng dư nợ.....	22
2.2.5. Tỷ lệ dự phòng rủi ro tín dụng.....	23
2.2.6. Khả năng bù đắp rủi ro tín dụng	25
2.2.7. Tỷ trọng thu nhập từ hoạt động tín dụng	26
2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG CHẤT LƯỢNG TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH KON TUM	28
2.3.1. Những kết quả đạt được	28
2.3.2. Những hạn chế về chất lượng tín dụng và nguyên nhân	28
CHƯƠNG 3. CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CẤP CHẤT LƯỢNG TÍN DỤNG CỦA NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM–CHI NHÁNH KON TUM .	31
3.1 ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG CỦA NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH KON TUM	31
3.2 CÁC PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG CHẤT LƯỢNG TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH KON TUM	31
3.2.1. Hoàn thiện và tuân thủ nghiêm ngặt quy trình tín dụng.....	31
3.2.2. Hoàn thiện và nâng cấp hệ thống thông tin đánh giá khách hàng.....	33
3.2.3. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	33
3.2.4. Giải pháp xử lý nợ tồn đọng, nợ khó đòi và nợ quá hạn	33
3.2.5. Nâng cao chất lượng thẩm định và phân tích tín dụng.....	34
3.2.6.. Thiết lập bộ phận riêng chuyên nghiên cứu ngành, phân tích kinh tế.....	34
KẾT LUẬN.....	35
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	
NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN	
NHẬN XÉT CỦA ĐƠN VỊ THỰC TẬP	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Ghi đầy đủ
DNTD	Dư nợ tín dụng
DSTD	Doanh số tín dụng
DSTN	Doanh số thu nợ
HĐHĐV	Hoạt động huy động vốn
HĐTD	Hoạt động tín dụng
HĐDV	Hoạt động dịch vụ
KQHĐKD	Kết quả hoạt động kinh doanh
KQHĐV	Kết quả huy động vốn
NHNN	Ngân hàng Nhà Nước
NHTM	Ngân hàng Thương Mại
TMCP	Thương mại cổ phần
VIETTINBANK	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam

DANH MỤC CÁC BẢNG, HÌNH

Số hiệu	Tên	Trang
Bảng 2.1	Tình hình lao động tại Vietinbank – Chi nhánh Kon Tum	16
Bảng 2.2	Tình hình huy động vốn của Viettinbank Chi nhánh Kon Tum theo đối tượng giai đoạn năm 2018-2020	18
Bảng 2.3	Kết quả hoạt động kinh doanh của Viettinbank Kon Tum	19
Bảng 2.4	Tình hình tín dụng tại Viettinbank Chi nhánh Kon Tum giai đoạn 2018 - 2020	20
Bảng 2.5	Bảng dư nợ tín dụng theo đối tượng vay	21
Bảng 2.6	Hiệu suất sử dụng vốn H1 và H2	22
Bảng 2.7	Phân loại nợ xấu theo nhóm Viettinbank chi nhánh Kon Tum	23
Bảng 2.8	Phân loại tài sản theo phương pháp định lượng, định tính	24
Bảng 2.9	Kết quả và tỷ lệ trích lập dự phòng RRTD Viettinbank Chi nhánh Kon Tum	25
Bảng 2.10	Kết quả và tỷ lệ trích lập dự phòng RRTD Viettinbank Chi nhánh Kon Tum	26
Bảng 2.11	Các chỉ tiêu đánh giá chất lượng tín dụng tại Viettinbank Chi nhánh Kon Tum	26
Hình 2.1	Mô hình tổ chức của Vietinbank - CN Kon Tum	14

LỜI MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Nền kinh tế Việt Nam đang trên đà đổi mới, hội nhập kinh tế thế giới, nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong quá trình vận động của nền kinh tế, đòi hỏi các quan hệ kinh tế xã hội chuyên biến và thay đổi thường xuyên. Lĩnh vực tiền tệ - tín dụng - ngân hàng là một trong những lĩnh vực nhạy cảm nhất của nền kinh tế do hoạt động kinh doanh tiền tệ là loại hình mang tính năng động và rủi ro cao, cần được cải biến nhằm đáp ứng được những yêu cầu khắt khe của thị trường. Hơn nữa, yêu cầu đặt ra đối với Ngân hàng là không những phải Phát triển không ngừng để thích nghi và tồn tại mà còn phải giữ vai trò tiên phong trong việc định hướng cho những hoạt động của các Doanh nghiệp. Do vậy, các Ngân hàng cần phải năng động hơn, nhạy cảm hơn và tinh táo hơn để có thể thực hiện được vai trò của mình, đáp ứng những yêu cầu càng ngày càng cao của nền kinh tế. Hoạt động của ngành Ngân hàng gắn liền với cơ chế quản lý kinh tế của Nhà nước nên phải đòi hỏi hoạt động Ngân hàng phải là đòn bẩy kinh tế, là công cụ kiểm chế và đẩy lùi lạm phát nhằm thúc đẩy sự Phát triển của nền kinh tế. Hệ thống Ngân hàng được cải tổ và hoạt động có hiệu quả, đóng vai trò nòng cốt trên thị trường tiền tệ.

Qua thời gian thực tập tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Kon Tum. Em nhận thấy vấn đề nổi bật trong hoạt động tại Ngân hàng là chất lượng tín dụng . Trong quá trình hoạt động chi nhánh đã không ngừng quan tâm đến vấn đề củng cố và nâng cao chất lượng tín dụng . Tuy nhiên, do nhiều nhân tố khách quan và chủ quan mà chất lượng tín dụng vẫn chưa hoàn toàn được bảo đảm, còn có những vấn đề tồn tại, vướng mắc cần tiếp tục được nghiên cứu và tìm ra giải pháp hữu hiệu nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả tốt nhất cho việc đầu tư tín dụng .

Từ những nhận định trên em chọn đề tài: ***“Nâng cao chất lượng tín dụng tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum ”*** làm báo cáo thực tập tốt nghiệp của mình.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Tìm hiểu thực trạng chất lượng tín dụng tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum .

- Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng tín dụng tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum .

3. Đối tượng nghiên cứu

Chất lượng tín dụng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum .

4. Phạm vi nghiên cứu

* Về không gian

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum .

* Về thời gian

Số liệu được thu thập tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum giai đoạn 2018 - 2020.

5. Phương pháp nghiên cứu

* Phương pháp thu thập số liệu

Đối với đề tài nghiên cứu này, nghiên cứu sử dụng các nguồn dữ liệu thứ cấp để tham khảo và phân tích phục vụ cho việc tiến hành nghiên cứu.

Dữ liệu nghiên cứu được thu thập từ phòng Kế hoạch – Tài chính, phòng Tổ chức - Hành chính, Tín dụng, phòng Quản lý rủi ro... của Chi nhánh.

Ngoài ra, nghiên cứu còn thu thập được rất nhiều thông tin liên quan đến đề tài nghiên cứu từ Internet, nhưng do tính tin cậy không cao nên chủ yếu là sử dụng với mục đích tham khảo.

* Phương pháp xử lý số liệu

Tổng hợp và chọn lọc những thông tin, dữ liệu thu thập liên quan đến đề tài. cụ thể là các phương pháp:

+ Phân tích theo chiều ngang.

Sử dụng phương pháp so sánh bằng số tuyệt đối hoặc bằng số tương đối.

+ Phân tích theo chiều dọc (phân tích theo quy mô chung).

Với báo cáo quy mô chung, từng khoản mục trên báo cáo được thể hiện bằng một tỉ lệ kết cấu so với một khoản mục được chọn làm gốc có tỷ lệ là 100%.

+ Phương pháp phân tích, đối chiếu: Dựa trên số liệu có sẵn để tìm ra những ưu điểm, nhược điểm trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng trong nước nhằm tìm ra những rủi ro và giải pháp khắc phục hạn chế rủi ro.

+ Phương pháp so sánh: Đây cũng là những phương pháp dựa trên những số liệu có sẵn để tiến hành đối chiếu (về tương đối, tuyệt đối) thường là so sánh giữa 2 năm để tìm ra sự tăng giảm của giá trị nào đó cho quá trình phân tích kinh doanh cũng như các quá trình khác.

+ Phương pháp thống kê, tổng hợp số liệu, tài liệu: Là phương pháp tổng hợp lại thông tin, dữ liệu thu thập được nhằm phục vụ cho công việc nghiên cứu.

- *Và một số phương pháp khác.*

6. Kết cấu đề tài

Trên cơ sở những mục tiêu giải quyết, nội dung của chuyên đề gồm:

Chương 1. Cơ sở lý luận về chất lượng tín dụng của ngân hàng thương mại.

Chương 2. Thực trạng chất lượng tín dụng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum .

Chương 3. Các giải pháp nâng cao chất lượng tín dụng của ngân hàng TMCP công thương Việt Nam – Chi nhánh Kon Tum

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CHẤT LƯỢNG TÍN DỤNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1. KHÁI QUÁT VỀ HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1.1. Các khái niệm liên quan

➤ Quan niệm về tín dụng

Tín dụng là một hiện tượng kinh tế khách quan, xuất hiện trong xã hội loài người có tình trạng tạm thời thừa và tạm thời thiếu vốn. Trong pháp luật dân sự, hiểu theo nghĩa chung nhất, tín dụng là việc một người thỏa thuận để cho người khác được sử dụng tài sản của mình trong một thời hạn nhất định với điều kiện có hoàn trả, dựa trên cơ sở sự tín nhiệm của mình với người đó.

Vậy ta có thể định nghĩa hoạt động tín dụng như sau:

Tín dụng là một trong những hình thức cấp tín dụng của tổ chức tín dụng, theo đó tổ chức tín dụng sẽ chuyển giao cho bên vay (khách hàng) một khoản vốn tiền tệ, bên vay sẽ sử dụng khoản vốn tiền tệ đó trong một khoảng thời gian nhất định, sau đó sẽ hoàn trả cho tổ chức tín dụng cả gốc và lãi theo hoả thuận.

Ngoài những dấu hiệu chung của quan hệ tín dụng, hoạt động tín dụng còn thể hiện ở những dấu hiệu có tính đặc thù sau:

Việc tín dụng của tổ chức tín dụng là hoạt động nghề nghiệp kinh doanh mang tính chức năng. Các tổ chức khác không phải là tổ chức tín dụng cũng có thể thực hiện việc tín dụng đối với khách hàng như một hoạt động kinh doanh nhưng hoạt động tín dụng của tổ chức này hoàn toàn không phải là nghề nghiệp kinh doanh mang tính chức năng.

Hoạt động tín dụng của tổ chức tín dụng là một nghề kinh doanh có điều kiện, thể hiện ở chỗ hoạt động tín dụng chuyên nghiệp của tổ chức tín dụng phải thỏa mãn một số điều kiện nhất định như phải có vốn pháp định, phải được Ngân hàng Nhà nước cấp giấy phép hoạt động trước khi tiến hành việc đăng ký kinh doanh theo luật định.

Hoạt động tín dụng của tổ chức tín dụng ngoài sự điều chỉnh của pháp luật về hợp đồng còn chịu sự điều chỉnh, chi phối của các đạo luật về Ngân hàng, kể cả tập quán thương mại về ngân hàng.

1.1.2. Nguyên tắc và điều kiện cấp tín dụng của Ngân hàng thương mại

a. Nguyên tắc cấp tín dụng

Thứ nhất, sử dụng vốn vay đúng mục đích để thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng (tín dụng có mục đích, có kế hoạch và có hiệu quả).

Tín dụng có kế hoạch, có mục đích và có hiệu quả. Tức là, các đơn vị có nhu cầu vay vốn của Ngân hàng đều phải có kế hoạch, đơn xin vay gửi ngân hàng với đầy đủ các nội dung sau: Số tiền vay, thời hạn sử dụng vốn vay, mục đích sử dụng vốn vay và tính hiệu quả của vốn vay ngân hàng. Trên cơ sở đó ngân hàng kiểm tra xem xét, nếu thấy đồng vốn vay ngân hàng đem lại hiệu quả kinh tế và trả nợ đúng hạn thì mới quyết định tín dụng. Mặt khác trên cơ sở kế hoạch xin vay vốn của người xin vay, bản thân ngân hàng phải xây dựng kế hoạch tín dụng vốn của mình để chủ động trong việc đầu tư tín

dụng . Nguyên tắc đảm bảo cho khách hàng vay vốn có đủ vốn và vay vốn có kế hoạch. Đồng thời nguyên tắc này nhằm tiết kiệm đồng vốn, đầu tư vốn có trọng điểm và có hiệu quả kinh tế cao. Ngoài ra nó còn tăng cường sự giám đốc bằng đồng tiền của ngân hàng đối với đơn vị vay vốn của ngân hàng.

Trường hợp khách hàng có nhu cầu vay vốn phát sinh ngoài kế hoạch, ngân hàng xét thấy cần thiết và hợp lý, cân đối với nguồn vốn của mình, có thể tín dụng bổ sung cho người vay. Vốn vay phải sử dụng đúng cam kết và mục đích.

Thứ hai, người vay vốn phải hoàn trả đúng kỳ hạn cả vốn và lãi. Bởi vì, nguồn vốn tín dụng của ngân hàng chủ yếu là nguồn vốn tập trung và huy động từ các thành phần kinh tế trong xã hội. Do vậy, những người vay vốn của ngân hàng sau một kỳ hạn nhất định nào đó đều phải hoàn trả đầy đủ cả gốc và lãi cho ngân hàng. Đơn vị vay vốn sau một thời gian nhất định phải trả cho ngân hàng một khoản lợi tức thoả thuận, vì đó là một trong những nguồn thu chủ yếu của ngân hàng và là một cơ sở cho ngân hàng tiến hành hạch toán kinh doanh và thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, đến thời kỳ trả nợ mà đơn vị vay vốn không trả cho ngân hàng thì ngân hàng sẽ chuyển sang nợ quá hạn và đơn vị phải chịu lãi suất cao hơn lãi suất thông thường. Đồng thời nó đảm bảo sự thống nhất giữa vận động của vật tư, hàng hoá và sự vận động của tiền tệ trong nền kinh tế , góp phần ổn định tiền tệ và ổn định giá cả. Với nguyên tắc này ngân hàng bảo toàn được vốn , kịp thời đưa vốn vào hoạt động kinh doanh của mình, có thu để bù đắp chi và có lãi nhằm duy trì và Phát triển hoạt động của bản thân ngân hàng.

Thứ ba, tín dụng có giá trị vật tư đảm bảo. Các đơn vị muốn vay vốn của ngân hàng đều phải xuất trình đầy đủ chứng từ, hoá đơn, hợp đồng mua bán hàng hoá. Trên cơ sở đó cán bộ ngân hàng tiến hành xét tín dụng tương đương với giá trị vật tư hàng hoá đã được ghi trên chứng từ, hoá đơn hợp đồng. Điều này áp dụng với doanh nghiệp Nhà nước. Còn các doanh nghiệp ngoài quốc doanh muốn vay vốn của ngân hàng đều phải thế chấp bằng tài sản, ngân hàng xét tín dụng thông thường bằng 60-70% giá trị thế chấp. Thế chấp có thể bằng hàng hoá thông thường hoặc các chứng từ có giá như tín phiếu , kỳ phiếu, cổ phiếu, giấy chứng nhận quyền sở hữu bất động sản. Hoặc có thể vay vốn thông qua sự bảo lãnh của các tổ chức kinh tế , tổ chức tín dụng có uy tín.

Trong suốt quá trình sử dụng vốn vay, các đơn vị vay vốn luôn có giá trị vật tư tương đương làm bảo đảm. Nguyên tắc này giúp cho các đơn vị sử dụng vốn vay một cách có hiệu quả. Ngân hàng tín dụng vốn an toàn tránh những rủi ro không đáng có trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Bên cạnh, nguyên tắc này bảo đảm quan hệ cân đối giữa tiền tệ và hàng hoá trong lưu thông góp phần bình ổn giá cả.

Ba nguyên tắc cơ bản nói trên có quan hệ mật thiết, gắn bó với nhau thành một tổng thể thống nhất, có ảnh hưởng rất lớn đến quan hệ tín dụng giữa ngân hàng với các thành phần kinh tế , phòng ngừa được các yếu tố rủi ro đảm bảo an toàn tín dụng . Và cũng là để "Vừa tạo tiền đề, vừa gây sức ép buộc các đơn vị kinh tế tìm mọi biện pháp nâng cao hiệu quả kinh tế" , hoạt động tín dụng ngân hàng cần chuyển mạnh và đúng hướng sang hạch toán kinh doanh thực sự, thúc đẩy khẩn trương tổ chức sắp xếp lại nền kinh tế -

khách thể của tín dụng ngân hàng, phù hợp với cơ chế thị trường có sự quản lý điều tiết vĩ mô của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đồng thời việc đổi mới khách thể là tiếp tục đổi mới, hoàn thiện chủ thể của tín dụng ngân hàng làm cho nó đủ sức tạo được thị trường "đầu vào" để tăng nhanh nguồn vốn và mở rộng thị trường "đầu ra" nghĩa là tín dụng ngân hàng phải đổi mới mạnh mẽ, sử dụng giải pháp "khởi trong, hút ngoài" và liên doanh liên kết kinh tế nhằm khai thác mọi nguồn vốn nhàn rỗi từ các thành phần kinh tế và thu hút vốn đầu tư của các chính phủ cũng như tư nhân nước ngoài để Phát triển mạnh mẽ nền kinh tế và xây dựng đất nước.

b. Điều kiện cấp tín dụng

Theo thông tư 39/2016/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước quy định, Ngân hàng thương mại xem xét, quyết định tín dụng khi khách hàng có đủ các điều kiện sau đây:

- Khách hàng phải có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự và chịu trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật.
- Khách hàng phải có khả năng tài chính đảm bảo trả được nợ trong thời hạn cam kết.
- Mục đích sử dụng vốn vay phải hợp pháp.
- Có dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh, dịch vụ khả thi; phương án đầu tư, phục vụ đời sống khả thi kèm phương án trả nợ khả thi và phù hợp với quy định của pháp luật.
- Thực hiện đầy đủ các quy định về đảm bảo tiền vay theo quy định của Chính phủ, Thống đốc Ngân hàng Nhà Nước

1.1.3. Phân loại tín dụng ngân hàng

➤ Căn cứ vào thời hạn tín dụng

- Tín dụng ngắn hạn: Loại tín dụng này có thời hạn đến 12 tháng và được sử dụng để bù đắp sự thiếu hụt vốn lưu động của các doanh nghiệp và nhu cầu chi tiêu ngắn hạn của các cá nhân

- Tín dụng trung hạn: theo quy định hiện nay của ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tín dụng trung hạn có thời hạn trên 12 tháng đến 5 năm. Tín dụng trung hạn chủ yếu được sử dụng để đầu tư mua sắm tài sản cố định, cải tiến hoặc đổi mới thiết bị, công nghệ, mở rộng sản xuất kinh doanh, xây dựng các dự án mới có quy mô nhỏ và thời gian thu hồi vốn nhanh. Ngoài ra nguồn vốn trung hạn này còn được các doanh nghiệp dùng để đổi mới sản phẩm.

- Tín dụng dài hạn: Là loại tín dụng có thời hạn trên 5 năm và thời gian tối đa có thể lên đến 20-30 năm, một số trường hợp cá biệt có thể lên tới 40 năm. Tín dụng dài hạn được cung cấp để đáp ứng các nhu cầu về xây dựng cơ bản.

➤ Theo xuất xứ tín dụng

Dựa vào căn cứ này, tín dụng được chia làm hai loại:

- Tín dụng trực tiếp: Ngân hàng cấp vốn trực tiếp cho người có nhu cầu, đồng thời người đi vay trực tiếp hoàn trả nợ vay cho ngân hàng.

- Tín dụng gián tiếp: Là khoản tín dụng được thực hiện thông qua việc mua lại các khế ước hoặc chứng từ nợ đã phát sinh và còn trong thời hạn thanh toán. Các NHTM tín dụng gián tiếp theo các loại sau:

- Chiết khấu thương mại (discount): Người hưởng thụ hối phiếu hoặc lệnh phiếu còn trong thời hạn thanh toán có thể nhượng lại cho ngân hàng. Trong trường hợp này ngân hàng cấp cho khách hàng một khoản tiền bằng mệnh giá trừ đi lãi suất chiết khấu và hoa hồng phí. Khi các chứng từ này đến hạn thanh toán người thụ lệnh hối phiếu hoặc người phát hành lệnh phiếu có trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng. Cần lưu ý trong nghiệp vụ chiết khấu thương mại người được cấp tín dụng và người chịu trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng là hai người khác nhau.

- Bao thanh toán : Do sự tác động của phương thức tiêu thụ hàng hoá gắn phương pháp tiếp thị mới đã thúc đẩy các NHTM đưa vào áp dụng loại tín dụng gián tiếp. Trong điều kiện hiện nay các DN thương mại đang tìm mọi biện pháp để cạnh tranh trong việc tiêu thụ hàng hoá, trong đó bán chịu hàng hoá được coi là biện pháp để mở rộng tiêu thụ hàng hoá có hiệu quả nhất. Tuy nhiên nguồn vốn của các DN có hạn, vì vậy cần phải có nguồn tài trợ của ngân hàng thông qua nhượng lại các phiếu bán hàng trả góp.

➤ Căn cứ vào phương thức bảo đảm tiền vay

-Vay có tài sản đảm bảo: Đây là hình thức vay vốn mà theo đó nghĩa vụ trả nợ của khách hàng được gắn liền với tài sản thế chấp của chính khách hàng vay vốn hoặc tài sản đảm bảo của bên thứ 3 đứng ra bảo lãnh cho khách hàng vay vốn.

- Vay không tài sản đảm bảo: Đây là hình thức tín dụng mà ngân hàng chủ yếu đưa ra để áp dụng cho khách hàng là CBCNV. Tuy nhiên hình thức này đòi hỏi khách hàng phải đáp ứng một số điều kiện vay cụ thể như lương hàng tháng là bao nhiêu, trên cơ sở đó ngân hàng sẽ gắn nghĩa vụ trả nợ của khách hàng cùng với tiền lương hàng tháng của khách hàng.

➤ Căn cứ vào phương thức hoàn trả

- Trả 1 lần: tức là khách hàng sẽ tiến hành trả nợ gốc 1 lần khi đáo hạn cho ngân hàng (thường áp dụng cho hình thức vay ngắn hạn).

- Trả theo định kì: Khách hàng sẽ tiến hành trả nợ gốc cho ngân hàng theo định kỳ trả hàng tháng, trả 3 tháng 1 lần, 6 tháng 1 lần...khi tiến hành ký kết hợp đồng vay.

➤ Căn cứ vào mục đích sử dụng vốn vay

Dựa vào căn cứ này tín dụng thường được chia ra làm các loại:

- Tín dụng bất động sản: Là loại tín dụng liên quan đến việc mua sắm và xây dựng bất động sản nhà ở, đất đai, bất động sản trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại và dịch vụ.

- Tín dụng công nghiệp và thương mại: Là loại tín dụng ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại và dịch vụ.

- Tín dụng nông nghiệp: là loại tín dụng để trang trải các chi phí sản xuất như phân bón, thuốc trừ sâu, giống cây trồng, thức ăn gia súc...

- Tín dụng các định chế tài chính: bao gồm cấp tín dụng cho các ngân hàng, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính, công ty bảo hiểm, quỹ tín dụng và các định chế tài chính khác.

- Tín dụng cá nhân: là loại tín dụng để đáp ứng các nhu cầu tiêu dùng như mua sắm các vật dụng đắt tiền, và các khoản tín dụng để trang trải các chi phí thông thường của đời sống thông qua phát hành thẻ tín dụng .

1.1.4. Vai trò tín dụng chất lượng

Ngân hàng được coi là huyết mạch trong bộ máy tài chính của đất nước, đặc biệt trong xu thế hội nhập quốc tế hiện nay, hoạt động của hệ thống ngân hàng càng khẳng định hơn nữa vai trò quan trọng của mình. Đó là:

– Tín dụng ngân hàng thúc đẩy sản xuất và lưu thông hàng hoá, tiền tệ phát triển, góp phần đẩy nhanh quá trình tái sản xuất mở rộng và điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Thông qua chức năng phân phối lại vốn tiền tệ theo nguyên tắc hoàn trả, các nguồn vốn và vật tư được đưa vào luân chuyển và được sử dụng hợp lý trong sản xuất. Tín dụng ngân hàng góp phần thỏa mãn các nhu cầu vốn tiền tệ tạm thời của doanh nghiệp, đảm bảo tính liên tục của quá trình sản xuất cũng như mở rộng sản xuất. Đồng thời tín dụng ngân hàng có vai trò quan trọng trong việc tạo ra cơ cấu tối ưu trong phát triển kinh tế, là phương tiện để Nhà nước cung ứng tiền cho nền kinh tế phù hợp với sự phát triển kinh tế.

– Tín dụng ngân hàng nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Nhờ nguồn vốn vay của ngân hàng mà doanh nghiệp có thể khắc phục khi gặp khó khăn trong kinh doanh, hoặc doanh nghiệp có nguồn vốn để mở rộng quy mô sản xuất, đầu tư đổi mới công nghệ... giúp doanh nghiệp ngày càng phát triển.

– Tín dụng ngân hàng góp phần mở rộng quan hệ kinh tế quốc tế. Trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế toàn cầu, vay nợ nước ngoài trở thành một nhu cầu khách quan đối với tất cả các nước trên thế giới, nó lại càng tỏ ra bức thiết đối với các nước đang phát triển như Việt Nam. Nhờ đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của các nước đang phát triển và nâng cao mức sống vật chất của nhân dân.

1.2. CHẤT LƯỢNG TÍN DỤNG

1.2.1. Khái niệm chất lượng dịch vụ ngân hàng

“Chất lượng dịch vụ ngân hàng là năng lực của ngân hàng được ngân hàng cung ứng và thể hiện qua mức độ thỏa mãn nhu cầu và mong muốn của khách hàng mục tiêu”.

1.2.2. Khái niệm chất lượng tín dụng

Chất lượng tín dụng là một phạm trù phản ánh mức độ rủi ro trong bảng tổng hợp tín dụng của một tổ chức tín dụng . Để phản ánh về chất lượng tín dụng , có rất nhiều chỉ tiêu, nhưng nói chung người ta thường quan tâm: tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ, tỷ lệ và cơ cấu tài sản đảm bảo. Ngoài ra, để đánh giá định tính về chất lượng tín dụng , người ta còn quan tâm đến: Cơ cấu dư nợ các khoản vay ngắn - dài hạn trong tương quan cơ cấu nguồn vốn của tổ chức tín dụng , dư nợ tín dụng các lĩnh vực rủi ro cao tại thời điểm đó như: bất động sản, cổ phiếu ...

Chất lượng tín dụng ngân hàng là một phạm trù kinh tế phản ánh mức độ rủi ro và sinh lời trong quy mô tín dụng của một ngân hàng trong nền kinh tế quốc dân. Chất lượng này đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế quốc dân về huy động vốn để tín dụng và đầu tư.

1.2.3. Các chỉ tiêu đánh giá chất lượng tín dụng

a. Dự nợ cho vay

Là số tiền ngân hàng giải ngân cho khách hàng nhưng chưa đến hạn thu hồi. Chỉ tiêu này cho biết hạn tính hình cho vay, thu nợ đạt hiệu quả như thế nào và số nợ của khách hàng mà khách hàng còn phải thu là bao nhiêu.

b. Tỷ trọng dự nợ tín dụng

Phân tích cơ cấu tín dụng trong tổng nguồn vốn huy động là việc xem xét đánh giá tỷ trọng tín dụng đã phù hợp với khả năng đáp ứng của bản thân ngân hàng cũng như đòi hỏi về vốn của nền kinh tế chưa. Trên cơ sở đó, các ngân hàng thương mại có thể biết được khả năng mở rộng tín dụng của mình. Từ đó, có thể quyết định quy mô, tỷ trọng đầu tư vào các lĩnh vực một cách hợp lý để vừa đảm bảo an toàn vốn tín dụng, vừa có thể thu lại lợi nhuận cao nhất có thể.

c. Tỷ lệ nợ xấu

$$\text{Tình hình nợ xấu} = \frac{\text{Nợ xấu}}{\text{Tổng dư nợ}} \quad (\%)$$

Chỉ số này đo lường chất lượng nghiệp vụ tín dụng của ngân hàng. Những ngân hàng có chỉ số này thấp có nghĩa là chất lượng tín dụng của ngân hàng này cao.

d. Hiệu suất sử dụng vốn (Tỷ lệ cấp tín dụng so với nguồn vốn huy động)

$$\text{Hiệu suất sử dụng vốn} = \frac{\text{Tổng dư nợ}}{\text{Tổng vốn huy động}}$$

e. Tỷ lệ dự phòng rủi ro tín dụng

$$\text{Tỷ lệ dự phòng rủi ro tín dụng} = \frac{\text{Dự phòng rủi ro tín dụng được trích lập}}{\text{Tổng dư nợ}}$$

Phản ánh tỷ lệ khoản tiền được trích lập dự phòng cho những khoản tổn thất có thể xảy ra do khách hàng của ngân hàng không thực hiện nghĩa vụ theo cam kết.

f. Khả năng bù đắp rủi ro:

Chỉ số này phản ánh khả năng bù đắp rủi ro tín dụng của ngân hàng.

$$\text{Khả năng bù đắp rủi ro tín dụng} = \frac{\text{Dự phòng rủi ro tín dụng được trích lập}}{\text{Nợ xấu}}$$

g. Chỉ tiêu thu nhập từ hoạt động tín dụng

$$\frac{\text{Tỷ trọng thu nhập từ hoạt động tín dụng}}{\text{động tín dụng}} = \frac{\text{Lãi từ hoạt động tín dụng}}{\text{Tổng thu nhập}}$$

Không thể nói một khoản tín dụng có chất lượng cao khi nó không đem lại một khoản thu nhập cho ngân hàng. Nguồn thu từ hoạt động tín dụng là nguồn thu chủ yếu để ngân hàng tồn tại và phát triển. Lợi nhuận do tín dụng đem lại chứng tỏ các khoản vay không những thu hồi được gốc mà còn có lãi, đảm bảo được độ an toàn của nguồn vốn tín dụng. Ta thấy rằng, nếu ngân hàng thương mại chỉ chú trọng vào việc giảm và duy trì một tỷ lệ nợ xấu thấp mà không tăng thu nhập từ hoạt động tín dụng thì tỷ lệ nợ xấu thấp cũng không có ý nghĩa. Chất lượng tín dụng được nâng cao chỉ thực sự có ý nghĩa khi nó góp phần nâng cao khả năng sinh lời của ngân hàng.

1.3. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHẤT LƯỢNG TÍN DỤNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.3.1. Nhân tố chủ quan

➤ Chính sách tín dụng: Chính sách tín dụng phản ánh định hướng cơ bản cho hoạt động tín dụng, nó có ý nghĩa quyết định đến sự thành công hay thất bại của ngân hàng. Để đảm bảo và nâng cao chất lượng tín dụng, ngân hàng cần phải có chính sách tín dụng phù hợp với đồng lối Phát triển kinh tế, đồng thời kết hợp được lợi ích của người gửi tiền, của ngân hàng và người vay tiền.

➤ Quy trình tín dụng: Quy trình tín dụng là trình tự tổ chức thực hiện các bước kỹ thuật nghiệp vụ cơ bản, chỉ rõ cách làm, trình tự các bước từ khi bắt đầu đến khi kết thúc một giao dịch thuộc chức năng, nhiệm vụ của cán bộ tín dụng và lãnh đạo ngân hàng có liên quan. Quy trình tín dụng là yếu tố quan trọng, nếu nó được tổ chức khoa học, hợp lý sẽ cho phép bảo đảm thực hiện các khoản vay có chất lượng.

➤ Kiểm soát nội bộ: Đây là hoạt động mang tính thường xuyên và cần thiết đối với mọi ngân hàng. Công tác kiểm tra nội bộ hoạt động kinh doanh của ngân hàng càng thường xuyên, chặt chẽ sẽ càng làm cho hoạt động tín dụng đúng hướng, thực hiện đúng các nguyên tắc, yêu cầu thể lệ trong qui chế tín dụng cũng như qui trình tín dụng. Kiểm soát nội bộ là biện pháp mang tính chất ngăn ngừa, hạn chế những sai sót của cán bộ tín dụng, giúp cho hoạt động tín dụng kịp thời sửa chữa, tạo điều kiện thuận lợi nâng cao chất lượng tín dụng.

➤ Tổ chức nhân sự: Con người luôn là yếu tố quyết định đến sự thành bại trong mọi hoạt động kinh doanh nói chung và tất nhiên nó cũng không loại trừ khỏi hoạt động của một ngân hàng. Muốn nâng cao được hiệu quả trong kinh doanh, chất lượng trong hoạt động tín dụng, ngân hàng cần phải có một đội ngũ cán bộ tín dụng giỏi, được đào tạo có hệ thống, am hiểu và có kiến thức phong phú về thị trường đặc biệt trong lĩnh vực tham gia đầu tư vốn, nắm vững những văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động tín dụng. Trong bố trí sử dụng, người cán bộ tín dụng cần phải được sàng lọc kỹ càng và phải có kế hoạch thường xuyên bồi dưỡng những kiến thức cần thiết để bắt kịp với nhịp

độ phát triển và biến đổi của nền kinh tế thị trường. Ngoài ra, họ còn phải có tiêu chuẩn về đạo đức và sự liêm khiết, bởi lẽ nếu người cán bộ tín dụng thiếu trách nhiệm hay có tình vi phạm có thể sẽ gây tổn thất rất lớn cho ngân hàng.

➤ Thông tin tín dụng: Hoạt động tín dụng muốn đạt được hiệu quả cao, an toàn cần phải có hệ thống thông tin hữu hiệu phục vụ cho công tác này. Vai trò và yêu cầu thông tin phục vụ công tác tín dụng và kinh doanh ngân hàng là hết sức quan trọng. Muốn nâng cao chất lượng tín dụng, ngân hàng cần xây dựng được hệ thống thông tin đầy đủ và linh hoạt, nhờ đó cung cấp các thông tin chính xác, kịp thời, tăng cường khả năng phòng ngừa rủi ro tín dụng.

1.3.2. Nhân tố khách quan

➤ Nhóm nhân tố từ phía khách hàng

- Uy tín, đạo đức của người vay:

Đạo đức của người vay là một yếu tố quan trọng của qui trình thẩm định, tính cách của người vay không chỉ được đánh giá bằng phẩm chất đạo đức chung mà còn phải kiểm nghiệm qua những kết quả hoạt động trong quá khứ, hiện tại và chiến lược Phát triển trong tương lai. Thực tế kinh doanh đã cho thấy, tính chân thật và khả năng chi trả của người vay có thể thay đổi sau khi món vay được thực hiện. Khách hàng có thể lừa đảo ngân hàng thông qua việc gian lận về số liệu, giấy tờ, quyền sở hữu tài sản, sử dụng vốn vay không đúng mục đích, không đúng đối tượng kinh doanh, phương án kinh doanh,... Việc khách hàng gian lận tất yếu sẽ dẫn đến những rủi ro cho ngân hàng.

Uy tín của khách hàng cũng là một yếu tố đáng quan tâm, uy tín của khách hàng là tiêu chí để đánh giá sự sẵn sàng trả nợ và kiên quyết thực hiện các nghĩa vụ cam kết trong hợp đồng từ phía khách hàng. Uy tín của khách hàng được thể hiện dưới nhiều khía cạnh đa dạng như: chất lượng, giá cả hàng hoá, dịch vụ, sản phẩm, mức độ chiếm lĩnh thị trường, chu kỳ sống của sản phẩm, các quan hệ kinh tế tài chính, vay vốn, trả nợ với khách hàng, bạn hàng và ngân hàng. Uy tín được khẳng định và kiểm nghiệm bằng kết quả thực tế trên thị trường qua thời gian càng dài càng chính xác. Do đó, ngân hàng cần phân tích các số liệu và tình hình trong suốt quá trình Phát triển của khách hàng với những thời gian khác nhau mới có kết luận chính xác.

- Năng lực, kinh nghiệm quản lý kinh doanh của khách hàng:

Chất lượng tín dụng phụ thuộc rất lớn vào năng lực tổ chức, kinh nghiệm quản lý kinh doanh của người vay. Đây chính là tiền đề tạo ra khả năng kinh doanh có hiệu quả của khách hàng, là cơ sở cho khách hàng thực hiện cam kết hoàn trả đúng hạn nợ ngân hàng cả gốc lẫn lãi. Nếu trình độ của người quản lý còn bị hạn chế về nhiều mặt như học vấn, kinh nghiệm thực tế,... thì doanh nghiệp rất dễ bị thua lỗ, dẫn đến khả năng trả nợ kém, ảnh hưởng xấu đến chất lượng tín dụng của ngân hàng.

➤ Nhóm nhân tố thuộc môi trường

- Môi trường kinh tế

Tính ổn định hay bất ổn định về kinh tế và chính sách kinh tế của mỗi quốc gia luôn có tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh và hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp

trên thị trường. Tính ổn định về kinh tế mà trước hết và chủ yếu là ổn định về tài chính quốc gia, ổn định tiền tệ, khống chế lạm phát là những điều mà các doanh nghiệp kinh doanh rất quan tâm và ái ngại vì nó liên quan trực tiếp đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Nền kinh tế ổn định sẽ là điều kiện, môi trường thuận lợi để các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh và thu được lợi nhuận cao, từ đó góp phần tạo nên sự thành công trong kinh doanh của ngân hàng.

- Môi trường chính trị:

Môi trường chính trị đang và sẽ tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong kinh doanh, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh ngân hàng. Tính ổn định về chính trị trong nước sẽ là một trong những nhân tố thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh có hiệu quả. Nếu xảy ra các diễn biến gây bất ổn chính trị như: chiến tranh, xung đột đảng phái, cấm vận, bạo động, biểu tình, bãi công,...có thể dẫn đến những thiệt hại cho doanh nghiệp và cả nền kinh tế nói chung (làm tê liệt sản xuất, lu thông hàng hoá đình trệ,...). Và như vậy, những món tiền doanh nghiệp vay ngân hàng sẽ khó được hoàn trả đầy đủ và đúng hạn, ảnh hưởng xấu đến chất lượng tín dụng.

- Môi trường pháp lý:

Một trong những bộ phận của môi trường bên ngoài ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nói chung và NHTM nói riêng là hệ thống pháp luật. Với một môi trường pháp lý chưa hoàn chỉnh, thiếu tính đồng bộ, thống nhất giữa các luật, văn bản dưới luật, đồng thời với nó là sự sắc nhiễu của các cơ quan hành chính có liên quan sẽ khiến cho doanh nghiệp gặp phải những khó khăn, thiếu đi tính linh hoạt cần thiết, vốn đã vào kinh doanh dễ bị rủi ro. Do đó, xây dựng môi trường pháp lý lành mạnh sẽ tạo thuận lợi trong việc nâng cao hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp trong đó có các NHTM.

- Môi trường cạnh tranh:

Có thể nói đây là yếu tố tác động mạnh mẽ đến chất lượng tín dụng nói riêng và hoạt động kinh doanh chung của NHTM. Sự tác động đó diễn ra theo hai chiều hướng: thứ nhất, để chiếm ưu thế trong cạnh tranh ngân hàng luôn phải quan tâm tới đầu tư trang thiết bị tốt, tăng cường đội ngũ nhân viên có trình độ, củng cố và khuếch trương uy tín và thế mạnh của ngân hàng. Hướng tác động này đã tạo điều kiện nâng cao chất lượng tín dụng. Tuy nhiên, ở hướng thứ hai, dưới áp lực của cạnh tranh gay gắt các ngân hàng có thể bỏ qua những điều kiện tín dụng cần thiết khiến cho độ rủi ro tăng lên, làm giảm chất lượng tín dụng.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CHẤT LƯỢNG TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG – CHI NHÁNH KON TUM

2.1. TỔNG QUAN VỀ NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH KON TUM

2.1.1. Giới thiệu NHTM CP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Kon Tum.

Tên hiện tại: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum.

- Tên: VIETNAM JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR INDUSTRY AND TRADE - KON TUM BRANCH.

- Tên viết tắt: Vietinbank.

- Trụ sở chính: 655, Đường Nguyễn Huệ, Phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, Tỉnh Kon Tum.

- Điện thoại: 026.0391.0209.

- Website: www.vietinbank.com.

2.1.2. Sự hình thành và Phát triển của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Kon Tum

Ngân hàng TMCP Công thương VN - Chi nhánh Kon Tum là đơn vị được chính thức thành lập từ 13/ 07/2006, trên cơ sở tách nhập và nâng cấp từ phòng giao dịch Kon Tum thuộc Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai. Kể từ đó, Ngân hàng TMCP Công thương VN - Chi nhánh Kon Tum hoạt động độc lập, tự chủ trên cơ sở phát lệnh Ngân hàng.

Năm 2008 cũng là năm NHCTVN chính thức được phê duyệt cổ phần hóa và thực hiện chuyển đổi thành doanh nghiệp cổ phần, đổi tên thành ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam. Theo đó, Chi nhánh Ngân hàng Công thương Việt Nam tỉnh Kon Tum đổi tên thành Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Kon Tum.

Vietinbank – CN Kon Tum chịu sự điều hành của NHCTVN qua các văn bản chỉ đạo và thực hiện quy định về báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh định kỳ, thường xuyên. Tuân thủ chính sách, chế độ của ngân hàng đảm bảo nguyên tắc tập trung thống nhất trên toàn hệ thống.

Trong những năm qua, cùng với quá trình đổi mới đất nước và Tỉnh nhà, Vietinbank -CN Kon Tum đã dẫn đầu định vị thế là một NHTM có uy tín và tầm cỡ trên địa bàn tỉnh, góp phần thực thi các chính sách tiền tệ của nhà nước nhằm kiểm chế và đẩy lùi lạm phát, ổn định và phát triển kinh tế. Vietinbank – CN Kon Tum luôn cố gắng để nâng cao hơn nữa chất lượng sản phẩm và dịch vụ nhằm phục vụ khách hàng ngày càng tốt hơn, đủ sức cạnh tranh trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

Đến nay, sau 14 năm hoạt động và phát triển, với sự đồng tâm nỗ lực của cán bộ công nhân viên, luôn không ngừng cố gắng trong thực hiện chiến lược phát triển quy mô hoạt động và mở rộng mạng lưới với số lượng chi nhánh đã tăng hơn 100 người, mở mới

7 phòng giao dịch và mạng lưới đã phù hợp khắp địa bàn TP và các Huyện chủ lực của Tỉnh với vị trí địa lý cách nhau từ 50-60 KM, Vietinbank – CN Kon Tum đã đạt được những thành quả đáng thích lệ, chi nhánh đã hơn 5 lần nhận được danh hiệu đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong hệ thống. Chỉ tiêu huy động vốn, dư nợ cũng như lợi nhuận của chi nhánh đều tăng qua từng năm. Thực hiện dự án hiện đại hóa ngân hàng, Vietinbank Kon Tum đã không ngừng ngân cấp, trang bị công nghệ tiên tiến phục vụ cho hoạt động kinh doanh của mình, là ngân hàng tiêu phong trong chuyển đổi hệ thống Core Incas Năm 2010, Core Sunshine năm 2017, với phong cách phục vụ nhanh chóng, tận tình, hiệu quả, Vietinbank – CN Kon Tum càng ngày càng mở rộng thị phần và xây dựng được chỗ đứng vững chắc tron lòng các khách hàng truyền thống cũng như khách hàng tiềm năng trên địa bàn Tỉnh nhà.

*** Chức năng cơ bản của Vietinbank – Chi nhánh Kon Tum.**

- **Chức năng thủ quỹ cho xã hội:** Mọi thành phần trong xã hội đều có thể mở tài khoản tại ngân hàng để gửi vào đó số tiền mà mình đang nắm giữ nhằm mục đích bảo vệ an toàn. Ngoài ra có thể sử dụng tài khoản đó để thanh toán hàng hóa dịch vụ và hưởng lãi.

- **Chức năng trung gian thanh toán:** Ngân hàng làm trung gian thanh toán khi thực hiện thanh toán theo yêu cầu của khách hàng như trích tiền từ tài khoản tiền gửi của họ để thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ hoặc nhập vào tài khoản tiền gửi của khách hàng tiền thu, bán hàng và các khoản thu khác theo lệnh của khách hàng.

- **Chức năng trung gian tín dụng:** Ngân hàng hoạt động như một chiếc cầu nối liền giữa khả năng cung ứng và nhu cầu tiền tệ trong xã hội. Là trung gian tín dụng, ngân hàng đóng vai trò là người môi giới giữa một bên là những người có tiền tín dụng và bên kia là những người có nhu cầu chi, tiêu cần phải vay vốn.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các chính sách Nhà nước, các quy định trong luật Ngân hàng Nhà Nước và luật các tổ chức tín dụng.

- Nhận vốn uỷ thác từ các chương trình tài trợ quốc gia, nhận tiền gửi thanh toán và tiết kiệm: không kỳ hạn, có kỳ hạn bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ của các tổ chức kinh tế xã hội, các doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước.

- Phát hành kỳ phiếu, chiết khấu thương phiếu, hối phiếu và các loại tín phiếu.

- Thực hiện các nghiệp vụ thanh toán trong nước, thanh toán quốc tế về mậu dịch và phi mậu dịch.

- Mua bán chuyên đổi ngoại tệ, séc du lịch, chi trả kiều hối.

- Nhận chuyển tiền thanh toán đến các ngân hàng thương mại trong toàn quốc qua hệ thống viễn thông nhanh, an toàn, chính xác.

- Tín dụng đầu tư tín dụng vốn cố định, vốn lưu động bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ.

- Thực hiện các dịch vụ bảo lãnh vay vốn trong nước và nước ngoài, tư vấn về lĩnh vực tiền tệ, cho các đơn vị đầu tư, lập các dự án khả thi.

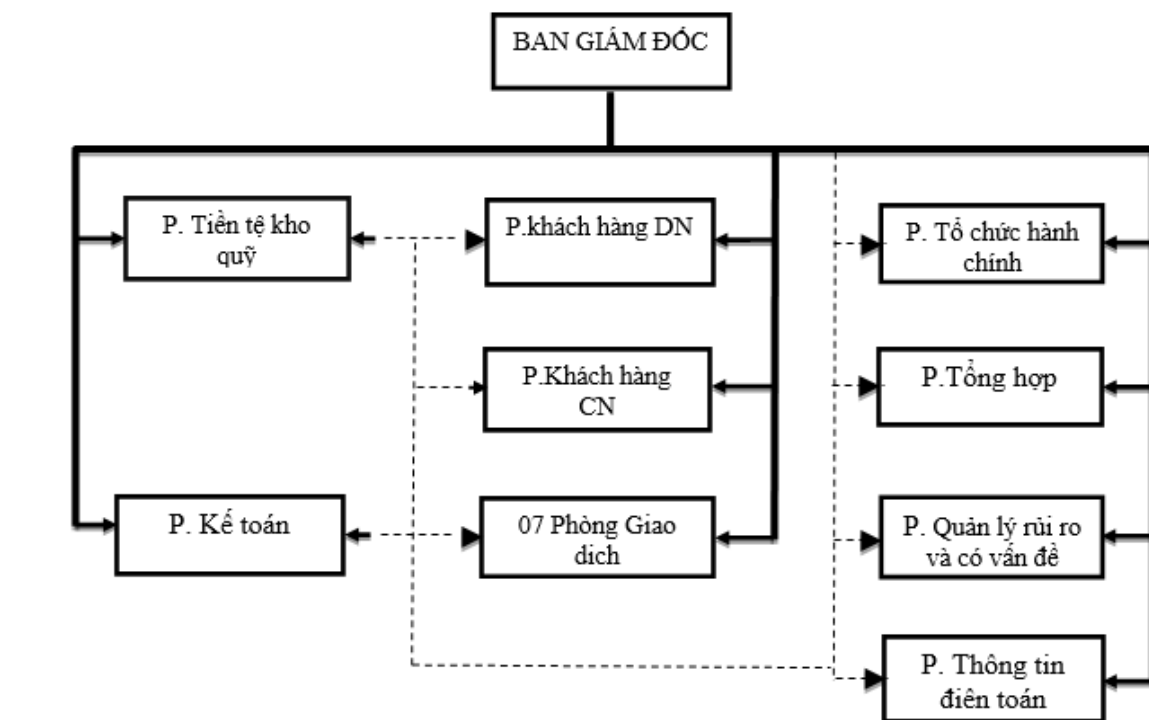
- Đi vay: Thực hiện việc huy động tiền gửi tiết kiệm nhân rồi trong dân cư, tiền gửi của các tổ chức kinh tế, phát hành kì phiếu các loại nhằm tạo lập nguồn vốn kinh doanh của chi nhánh.

- Thực hiện việc thanh toán cho khách hàng bằng các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.

- Và nhiều hoạt động khác như đại lý chứng khoán, tài trợ thương mại, nhận giữ hộ tài sản quý...

2.1.3. Cơ cấu tổ chức Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Kon Tum

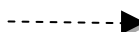
Vietinbank Kon Tum được tổ chức theo mô hình trực tuyến – chức năng vừa đảm bảo tính linh hoạt trong quản lý đồng thời vừa tiết kiệm được thời gian trong quản lý và điều hành hoạt động. Cơ cấu tổ chức gồm: Bàn Giám đốc và 16 phòng, tổ.



Thể hiện: Mối quan hệ trực



Mối quan hệ chức năng:



(Nguồn: Phòng tổ chức hành chính – Vietinbank TP Kon Tum).

Hình 2.1: Mô hình tổ chức của Vietinbank - CN Kon Tum.

- **Ban Giám đốc:** Gồm 01 Giám đốc, và 02 Phó Giám đốc.

Giám đốc: Là người lãnh đạo cao nhất và phụ trách chung các hoạt động. Phụ trách điều hành về các hoạt động tín dụng của một số khách hàng lớn. Thực hiện phê duyệt công tác thanh toán, chi tiêu tài chính, nhân sự.

Phó Giám đốc: Phụ trách trực tiếp phòng, tổ được Giám đốc phân công, ủy quyền. (bao gồm 01 Phó Giám đốc quản lý khối bán lẻ và 01 Phó giám đốc quản lý rủi ro).

Phòng khách hàng doanh nghiệp: Theo dõi, giám sát khoản vay, đơn đốc thu hồi nợ vay. Đầu mối phối hợp với phòng tổng hợp và quản lý nợ có vấn đề để thu hồi các

khoản nợ xấu, nợ ngoại bảng, nợ xử lý rủi ro. Quản lý, khai thác hồ sơ, thông tin khách hàng doanh nghiệp theo quy định của NHCT. Thực hiện chức năng thẩm định và đề xuất quyết định tín dụng cho khách hàng doanh nghiệp có quan hệ tín dụng tại Chi nhánh.

Tổ Tài trợ thương mại và thanh toán ngoại tệ (Trục thuộc phòng khách hàng doanh nghiệp): Đầu mối tiếp thị, tư vấn và bán các sản phẩm, dịch vụ tài trợ thương mại cho các khách hàng. Đầu mối quản lý, tổng hợp, giám sát toàn bộ hoạt động kinh doanh ngoại tệ tài chính.

Phòng bán lẻ: Tìm kiếm, tiếp thị, tư vấn, hỗ trợ, chăm sóc khách hàng là cá nhân, hộ gia đình. Phối hợp với các bộ phận liên quan cung cấp trọn gói các sản phẩm, dịch vụ của NHCT cho các khách hàng cá nhân phù hợp với chế độ, quy định hiện hành của NHCTVN. Thực hiện chức năng thẩm định và đề xuất quyết định tín dụng cho khách hàng cá nhân, hộ kinh doanh có quan hệ tín dụng tại Chi nhánh.

Tổ thẻ và dịch vụ điện tử (Trục thuộc phòng bán lẻ): Thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến cung cấp sản phẩm, công tác Marketing và hỗ trợ về dịch vụ thẻ và dịch vụ ngân hàng điện tử cho khách hàng. Báo cáo, tham mưu và triển khai các hoạt động kinh doanh thẻ và dịch vụ điện tử tại Chi nhánh.

Phòng tổng hợp và quản lý nợ có vấn đề: Tham mưu cho Ban Giám đốc về lãi suất huy động, tín dụng, chiến lược phát triển kinh doanh của chi nhánh. Đầu mối trong triển khai chương trình điều hành, cân đối vốn kinh doanh chung của toàn chi nhánh. Tổng hợp, phân tích, đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh của Chi nhánh, thực hiện báo cáo tổng hợp, lưu trữ số liệu hoạt động chung toàn Chi nhánh theo quy định của NHNN và NHCTVN. Phối hợp với các phòng khách hàng quản lý, xử lý thu hồi các khoản nợ xấu, nợ xử lý rủi ro, xử lý tài sản bảo đảm tiên vay. Thực hiện triển khai các công việc quản lý rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động đối với toàn bộ hoạt động tại Chi nhánh.

Phòng kế toán giao dịch: Cung cấp các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng liên quan đến nghiệp vụ thanh toán và các nghiệp vụ khác, xử lý hạch toán các giao dịch. Tổ chức công tác hạch toán kế toán, thực hiện các giao dịch tài chính và phi tài chính của toàn chi nhánh đúng theo quy định hiện hành của NHCTVN.

Tổ thông tin Điện toán (Trục thuộc phòng kế toán): Thực hiện công tác quản lý, duy trì hệ thống thông tin điện toán. Bảo trì, bảo dưỡng máy tính đảm bảo thông suốt hoạt động của hệ thống mạng, máy tính.

Phòng tiền tệ kho quỹ: Quản lý toàn bộ tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá, ấn chỉ quản trọng, hồ sơ tài sản bảo đảm,... Bảo đảm công tác an toàn kho quỹ của Chi nhánh tại nơi giao dịch, kho bảo quản và trên đường vận chuyển. Điều hành và sử dụng tiền mặt tiết kiệm, hiệu quả.

Phòng tổ chức hành chính: Tham mưu cho Ban Giám đốc về công tác quản lý cán bộ, hành chính quản trị của Chi nhánh. Thực hiện các chức năng về đảm bảo an toàn tài sản, quy định về bảo quản trang thiết bị, quản lý con dấu của chi nhánh, bảo dưỡng phương tiện đi lại.

Các phòng giao dịch: (07 PGD), PGD Duy Tân, PGD Sa Thầy, PGD Ngọc Hồi, PGD Trung Tâm Thương Mại, PGD Đăk Hà, PGD Đăk Tô, PGD Hòa Bình: thực hiện chức năng kinh doanh của ngân hàng như: huy động vốn, tín dụng tín dụng và các dịch vụ khác theo quy định của NHNN, NHCTVN, trên cơ sở quy chế, quy trình nghiệp vụ và phạm vi được ủy quyền.

2.1.4. Tình hình hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Kon Tum

a. Tình hình sử dụng lao động của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Kon Tum

Bảng 2.1: Tình hình lao động tại Vietinbank – Chi nhánh Kon Tum.

Đơn vị tính: Người

Chi tiêu	2018		2019		2020		2019/2018		2020 /2019	
	SL	%	SL	%	SL	%	+/-	%	+/-	%
Tổng lao động	120	100	131	100	142	100	10	8,33	11	8,39

1. Phân theo giới tính.

Nam	51	42,15	63	48,09	72	50,52	12	23,52	9	14,28
Nữ	69	57,85	68	51,91	70	49,48	-2	-2,89	2	2,94

2. Phân theo độ tuổi.

Trên 45 tuổi	38	31,40	33	25,19	39	23,85	-5	-13,15	-34	-103,03
Trên 30 đến 45 tuổi	47	38,84	47	35,88	43	31,50	0	0,00	0	0
Dưới 30 tuổi	36	29,75	51	38,93	60	44,65	15	41,67	45	88,23

3. Phân theo trình độ học vấn.

Sau đại học	33	27,27	39	29,77	44	34,86	6	18,18	38	97,43
Đại học	83	68,60	86	65,65	89	61,04	3	3,61	20	23,25
Cao đẳng, trung cấp	4	3,31	5	3,82	8	3,42	1	25,00	7	140
Lao động phổ thông	1	0,83	1	0,76	1	0,68	0	0,00	0	0,00

4. Phân theo thời gian công tác.

Trên 10 năm	54	44,63	52	39,69	59	37,58	-2	-3,70	-57	-109,61
từ 05 đến 10 năm	33	27,27	30	22,90	32	20,32	-3	-9,09	-29	-96,66
Dưới 05 năm	34	28,10	49	37,40	51	42,10	15	44,11	35	71,42

(Nguồn: Phòng Tổ chức hành chính – Vietinbank - CN Kon Tum).

Qua biến động số lượng lao động của Chi nhánh giai đoạn từ năm 2018 đến 2020 cho thấy tỷ lệ lao động nữ có hướng giảm dần, còn tỷ lệ lao động nam tăng dần. Năm 2018, tỷ lệ nữ cao hơn gần gấp đôi so với tỷ lệ nam, nhưng đến năm 2020, tương quan lao động đã đồng đều hơn, số lượng lao động nữ chiếm tỷ lệ 49,48%, còn số lượng lao động nam chiếm tỷ lệ 50,52%. Cơ cấu này là phù hợp với định hướng hiện nay của Chi nhánh cần bổ sung thêm cán bộ nam cho bộ phận tín dụng, nhằm đẩy mạnh tăng trưởng hoạt động tín dụng.

Lao động tại Chi nhánh có xu hướng trẻ hóa dần qua các năm. Năm 2018, tỷ lệ lao động trên 45 tuổi chiếm 31,40% thì sang năm 2019 giảm chỉ còn 25,19% và đến năm 2020 chỉ còn chiếm 23,85%, tổng số lao động. Theo chiều ngược lại, tỷ lệ dưới 30 tuổi có xu hướng tăng dần từ 29,75%, tổng số lao động năm 2018 lên 38,93% năm 2019 và đến năm 2020 là 44,65%. Điều này cho thấy quyết tâm trẻ hóa dần đội ngũ cán bộ công nhân viên (CBCNV) của Chi nhánh để phù hợp với giai đoạn phát triển mới của Vietinbank – CN Kon Tum.

Xét theo trình độ học vấn, nhóm lao động có trình độ đại học và sau đại học luôn chiếm tỷ trọng cao nhất, trên 95% tổng số lao động. Lao động có trình độ cao đẳng, trung cấp lao động phổ thông tại Vietinbank – CN Kon Tum chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong cơ cấu lao động, chưa đến 5% tổng số lao động chủ yếu là bộ phận lái xe, bảo vệ, lao công và số lượng hầu như không thay đổi trong 03 năm qua. Điều này chứng tỏ chất lượng của đội ngũ cán bộ của công nhân viên tại Vietinbank Kon Tum rất được Ban Lãnh Đạo (BLD) chú trọng trong công tác tuyển dụng, đảm bảo thu hút được nguồn nhân lực có trình độ cao, đủ khả năng đáp ứng các yêu cầu trong hoạt động kinh doanh tại đơn vị.

Về thời gian công tác, có thể thấy Vietinbank - Chi nhánh Kon Tum đang dần thiết lập được một cơ cấu khá cân đối giữa cán bộ có thâm niên và cán bộ mới. Trong các năm 2018-2019, tỷ lệ cán bộ lớn tuổi, công tác lâu năm vẫn còn chiếm tỷ lệ khá lớn, lần lượt là 44,63% và 39,69%, tuy nhiên cùng với chính sách trẻ hóa dần đội ngũ nhân sự và một số cán bộ đến tuổi nghỉ hưu nên đến năm 2020, tỷ lệ lao động công tác trên 10 năm chỉ còn chiếm 37,58%, tỷ lệ lao động của công tác dưới 05 năm tăng lên, chiếm 42,10%.

Qua bảng số liệu trên có thể thấy sự biến động nhân sự của Chi nhánh trong giai đoạn từ năm 2019 đến năm 2020 là khá hợp lý. Ban lãnh đạo (BLD) đã xác định cần phải thay đổi dần cơ cấu đội ngũ lao động theo hướng giảm dần các cán bộ lớn tuổi, đến tuổi nghỉ hưu, bổ sung thêm các cán bộ trẻ với trình độ chuyên môn cao, am hiểu công nghệ để dễ dàng tiếp cận với các hệ thống, chương trình quản lý mới của ngân hàng. Bên cạnh đó, tiếp tục bồi dưỡng lớp cán bộ kế cận để chuyển giao dần công việc, cũng như là nhân tố chủ chốt để hướng dẫn và truyền đạt thêm kinh nghiệm cho lớp cán bộ tin dụng mới.

b. Tình hình huy động vốn

Từ số liệu trên ta thấy được nguồn vốn huy động được đạt ở mức rất cao nhưng sự thâm nhập và thành lập mở mới hoạt động của nhiều ngân hàng tại Kon Tum, áp lực cạnh tranh ngày càng gay gắt.

Với hai nguồn huy động chủ yếu từ nguồn vốn huy động từ huy động vốn cá nhân và huy động vốn từ tổ chức kinh tế..

Tổng nguồn vốn huy động của năm 2019 là 2.264 tỷ tăng 407 tỷ đồng so với năm 2018 và năm 2020 tiếp tục tăng 377 tỷ đồng đạt 2.641 tỷ đồng. Trong đó huy động vốn từ cá nhân, hộ gia đình chiếm tỷ trọng cao từ 6,29% đến 62,9% tổng vốn huy động. Có kết quả này là do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Kon Tum đã khẳng định được là một NHTM uy tín trong thành phố, đã ra đời và hoạt động có hiệu quả nhiều năm nên đã có sẵn một lượng lớn khách hàng lớn. Với sự tín nhiệm của khách

hàng, nguồn vốn huy động của chi nhánh luôn được đạt ở mức cao, dù trong những năm qua, nhiều ngân hàng đã thâm nhập thành lập và mở chi nhánh mới hoạt động tại Kon Tum , áp lực cạnh tranh ngày càng gay gắt.

Bảng 2.2: Tình hình huy động vốn của Viettinbank Chi nhánh Kon Tum theo đối tượng giai đoạn năm 2018-2020

ĐVT : Tỷ đồng

Nguồn huy động	Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Chênh lệch 2019/2018		Chênh lệch 2020/2019	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	+/-	%	+/-	%
1. Cá nhân, hộ GD	1.120	60,29	1.424	62,9	1.632	61,8	304	27,19%	208	14,60%
2. Tổ chức kinh tế	738	39,71	840	37,1	1.009	38,2	103	13,90%	169	20,10%
Tổng	1.857	100,00	2.264	100,00	2.641	100,00	407	21,91%	377	16,64%

Nguồn: Phòng giao dịch

Có thể nói nguồn vốn đóng một vai trò đặc biệt quan trọng đối với hoạt động của một ngân hàng. Nguồn vốn vừa là đối tượng kinh doanh, vừa là phương tiện kinh doanh của ngân hàng. Những năm gần đây, hoạt động Ngân hàng trên địa bàn tỉnh ngày càng được mở rộng và cung cấp nhiều sản phẩm mới, đa dạng phục vụ nhu cầu của các thành phần kinh tế, nhiều chi nhánh NHTM cổ phần đã và đang mở chi nhánh hoạt động: VIBank; Sacombank; Eximbank; Ngân hàng Đông Á, BIDV, Agribank... đã tạo nên môi trường cạnh tranh ngày càng sôi động hơn. Với vị trí và uy tín đã tạo dựng qua nhiều năm, Viettinbank Chi nhánh Kon Tum đã hoàn thành tốt công tác huy động vốn theo kế hoạch đã xây dựng, đóng góp vào thành tích huy động vốn chung của toàn hệ thống.

c. Kết quả động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Kon Tum

Qua bảng 2.1 ta thấy quy mô của ngân hàng ngày càng lớn và phát triển qua các năm cả về mặt doanh thu và chất lượng dịch vụ tín dụng , chứng tỏ ngân hàng đã có những quyết định đúng đắn, chính sách huy động vốn phù hợp với tình hình kinh tế hiện tại, đem lại hiệu quả cao.

Về thu nhập

Giai đoạn 2019-2020, nền kinh tế Việt Nam đang trong giai đoạn suy giảm kinh tế do dịch Covid 19, nhờ sự chỉ đạo kịp thời của Chính phủ và việc vận dụng tốt các chính sách tài khóa mang tính chiến lược và có nhiều giải pháp hợp lý đã giúp cho doanh thu của Viettinbank Chi nhánh Kon Tum tăng liên tục ổn định và bền vững với tốc độ trung bình là 5,49%/năm. Thu nhập của ngân hàng chủ yếu đến từ khoản mục “Thu lãi tín

dụng và thu nhập nội bộ trong hệ thống”. Đây là hoạt động sử dụng vốn lớn nhất và cũng là hoạt động mang lại thu nhập lớn nhất cho ngân hàng.

Bảng 2.3: Kết quả hoạt động kinh doanh của Viettinbank Kon Tum

DVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019			Năm 2020			Tốc độ tăng trưởng bình quân
	Giá trị	Giá trị	So sánh		Giá trị	So sánh		
			2019/2018			2020/2019		
			+/-	%		+/-	%	
1. Tổng doanh thu	711,00	723,0	12	1,69%	750	27	3,73%	5,49%
2. Tổng chi phí	632,37	638,8	6,44	1,02%	660,7	21,89	3,43%	4,48%
3. Tổng lợi nhuận	78,63	84,19	5,56	7,07%	89,3	5,11	6,07%	13,57%

(Nguồn: Phòng Kế hoạch - Tài chính Viettinbank Chi nhánh Kon Tum)

Ta nhận thấy rằng thu nhập của ngân hàng tăng lên qua các năm. Cụ thể: năm 2018 thu nhập đạt 711 tỷ đồng và năm 2019 có thu nhập 723 tỷ đồng, tăng 1,69% so với năm 2018, năm 2020 tiếp tục tăng lên 750 tỷ đồng. Tổng thu nhập của ngân hàng tăng liên tục qua các năm thể hiện sự phát triển của ngân hàng trong việc đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ, nâng cao hoạt động tín dụng của ngân hàng, bên cạnh đó cũng phải kể đến sự nỗ lực nhiệt tình của các cán bộ nhân viên trong ngân hàng.

Về lợi nhuận

Từ việc mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh doanh của Viettinbank Chi nhánh Kon Tum đã đem lại cho ngân hàng nguồn thu nhập đáng kể trong những năm qua, tuy nhiên lợi nhuận của chi nhánh có xu hướng giảm cụ thể như sau:

Năm 2018 đạt 78,63 tỷ đồng và năm 2019 đạt 84,19 tỷ đồng tăng 5,56 tỷ so với năm 2018, năm 2020 chỉ tiêu lợi nhuận tăng lên 5,11 tỷ đồng tương ứng 6,07% so với năm 2019 đạt 89,3 tỷ đồng. Kết quả này không chỉ riêng của chi nhánh mà đó là tình hình chung của hệ thống Viettinbank trước thị trường nhiều biến động năm 2019 khi dịch Covid diễn ra ảnh hưởng hoạt động kinh doanh khách hàng và Ngân hàng Nhà nước theo Chỉ thị 01 về việc hạ lãi suất vay dẫn đến mức tăng trưởng tín dụng tác động gia tăng làm gia tăng lợi nhuận của Chi nhánh.

Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận bình quân 13,57% cao hơn so với tốc độ tăng trưởng bình quân doanh thu 5,49%, điều đó cho thấy Chi nhánh đã quản lý tốt chi phí, làm gia tăng lợi nhuận cho ngân hàng

2.2. THỰC TRẠNG CHẤT LƯỢNG TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH KON TUM

2.2.1. Doanh số tín dụng

Trong nền kinh tế thị trường, tín dụng là chức năng kinh tế cơ bản của ngân hàng, là hoạt động kinh doanh chủ yếu của ngân hàng thương mại để tạo ra lợi nhuận. Nguồn vốn

huy động được sẽ đáp ứng nhu cầu vốn cho các chủ thể kinh tế trong xã hội khi cần thiết đi vay, doanh thu từ hoạt động tín dụng được dùng để bù đắp chi phí tiền gửi, chi phí kinh doanh và quản lý... Bên cạnh những ưu điểm thì tín dụng cũng mang rủi ro tiềm ẩn lớn, có thể làm cho ngân hàng rơi vào tình trạng khó khăn về tài chính vì không thu hồi được các khoản nợ, do đó cần phải phân tích, thẩm định chính xác, quản lý chặt chẽ các khoản vay để đảm bảo sự ổn định và Phát triển của ngân hàng.

Bảng 2.4: Tình hình tín dụng tại Viettinbank Chi nhánh Kon Tum giai đoạn 2018 - 2020

Chỉ tiêu	ĐVT	2018	2019	2020	Tăng giảm so với 2019/2018		Tăng giảm so với 2020/2019	
					(+/-)	(%)	(+/-)	(%)
Doanh số tín dụng	Tỷ đồng	4.500	5.500	6.071	1.000	22,22%	571	10,39%
Dư Nợ cuối kỳ	Tỷ đồng	2.786	3.170	4120	384	13,8%	600	18,93%
Nợ xấu (nhóm 3->5)	%	1,12%	1,10%	1,50%	0,3%	37,5	0,4%	36,36%

Nguồn: Phòng giao dịch của Viettinbank Chi nhánh Kon Tum

Doanh số tín dụng – phản ánh tổng số tiền ngân hàng thực tế đã tín dụng trong một khoảng thời gian nhất định.

Là một trong những Chi nhánh ngân hàng lớn trên địa bàn tỉnh Kon Tum , có vai trò chủ lực trong quá trình đầu tư vốn cho nền kinh tế tỉnh Kon Tum nói riêng và đất nước nói chung, tình hình doanh số tín dụng của Viettinbank Chi nhánh Kon Tum trong 3 năm qua đã có những chuyển biến như sau: năm 2018 là 4.500 tỷ đồng tăng lên 5.500 tỷ đồng, tương ứng tăng 22,22%, và tăng liên tục đến đến 2020 đạt 6.071 tỷ đồng tăng 571 tỷ đồng so với năm 2019

Con số này cho thấy việc tín dụng của Chi nhánh diễn ra mạnh mẽ, khách hàng tin tưởng và tìm đến Chi nhánh để đáp ứng nhu cầu vốn cho mình ngày càng nhiều mặc dù nền kinh tế đang trong giai đoạn bị ảnh hưởng bởi khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu. Nguyên nhân là do khả năng tiếp thị của cán bộ tín dụng cũng như thái độ phục vụ của họ đã tạo cảm giác thân thiện với khách hàng, thủ tục vay vốn nhanh gọn, ít tốn thời gian, lãi suất thấp hơn các tổ chức tín dụng khác... và đặc biệt là sự uy tín trên thị trường tài chính tiền tệ mà Chi nhánh Kon Tum đã xây dựng củng cố và phát huy từ những ngày đầu thành lập nên này đã góp phần thu hút, tạo lượng khách hàng ngày càng đông đến vay tiền tại Chi nhánh.

2.2.2. Dư nợ tín dụng và tỷ trọng dư nợ tín dụng

Là số tiền ngân hàng giải ngân cho khách hàng nhưng chưa đến hạn thu hồi. Chỉ tiêu này cho biết hạn tính hình tín dụng , thu nợ đạt hiệu quả như thế nào và số nợ của khách hàng mà khách hàng còn phải thu là bao nhiêu.

Dựa vào bảng ta thấy năm dư nợ cuối kỳ của Chi nhánh tăng đều qua các năm với tốc độ trung bình là 5,65 %/năm.

Bảng 2.5: Bảng dư nợ tín dụng theo đối tượng vay

Đơn vị tính:: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm					
	2018	Tỷ trọng	2019	Tỷ trọng	2020	Tỷ trọng
Tổng dư nợ	2.786	100,00%	3.170	100,00%	4.120	100,00%
Tổ chức kinh tế	1.946	69,86%	1.891	59,64%	2.338	56,75%
Dân cư	840	30,14%	763	40,36%	1.782	43,25%

(Nguồn: Phòng giao dịch của Viettinbank Chi nhánh Kon Tum)

Dựa vào bảng trên có thể thấy dư nợ tín dụng của Viettinbank Kon Tum phần lớn tập trung cho tổ chức kinh tế, tổng dư nợ tín dụng theo tổ chức kinh tế vay có xu hướng giảm từ tỷ trọng 69,86% tổng số tiền tín dụng năm 2018 giảm còn 56,75% năm 2020. Trong khi đó, tín dụng dân cư có xu hướng tăng từ chiếm tỷ trọng 30,14% năm 2018 tăng lên 43,25% tổng dư nợ tín dụng năm 2020.

Nhìn chung, hoạt động tín dụng theo thời hạn vay tại Viettinbank chi nhánh Kon Tum khá linh hoạt và bám sát vào diễn biến thị trường. Ngân hàng luôn chủ động ứng phó với tình hình biến động của nền kinh tế và sự cạnh tranh gay gắt giữa các ngân hàng trên địa bàn. Do đó, Ngân hàng luôn đưa ra các giải pháp hữu hiệu nhằm hỗ trợ đáp ứng nhu cầu vay vốn của khách hàng thông qua các gói tín dụng ưu đãi, cơ chế chính sách lãi suất khác nhau tương ứng với từng thời hạn vay, ...

2.2.3. Hiệu suất sử dụng vốn

Chỉ tiêu này cho thấy khả năng sử dụng vốn huy động của Ngân hàng, chỉ tiêu này quá lớn hay quá nhỏ đều không tốt vì không có sự cân đối giữa việc huy động vốn với việc tín dụng. Nếu chỉ tiêu này lớn thì khả năng huy động vốn của Ngân hàng thấp, ngược lại chỉ tiêu này nhỏ thì Ngân hàng sử dụng nguồn vốn huy động không hiệu quả.

$$\text{Hiệu suất sử dụng vốn (H1)} = \text{Tổng dư nợ} / \text{Tổng vốn huy động}$$

Hiệu suất sử dụng vốn H1 của chi nhánh hàng năm luôn đạt mức bình quân 150% , cho thấy chi nhánh vẫn đang thiếu nguồn vốn để phục vụ hoạt động tín dụng. Vì vậy, hoạt động của chi nhánh sẽ gặp rủi ro nếu như trong trường hợp gặp phải dòng tiền rút ra bất thường.

$$\text{Hiệu suất sử dụng vốn (H2)} = \text{Tổng dư nợ} / \text{Tổng tài sản có}$$

Chỉ tiêu H2 cho biết, cứ 100 đồng thuộc tài sản có thì bao nhiêu đồng được sử dụng để tín dụng trực tiếp khách hàng. Vì tín dụng là hạng mục sinh lời chủ yếu, nên hiệu suất sử dụng vốn H2 càng cao thì hoạt động kinh doanh của ngân hàng càng hiệu quả

Bảng 2.6: Hiệu suất sử dụng vốn H1 và H2

Chỉ tiêu	ĐVT	2018	2019	2020
- Dự nợ cho vay	Tỷ đồng	2.786	3.170	4.120
- Vốn huy động	Tỷ đồng	1.857	2.264	2.641.
- Tổng tài sản có	Tỷ đồng	2.914	3.503	4.588
1.1. Hiệu suất sử dụng vốn (H1)	%	150	140	156
1.2. Hiệu suất sử dụng vốn H2	%	95,6	90,5	89,8

Nguồn: Tác giả tự tổng hợp từ các báo cáo hoạt động kinh doanh qua Viettinbank Chi nhánh Kon Tum

Qua số liệu trên cho thấy CN Kon Tum đã có sự gia tăng về hiệu quả sử dụng vốn lên năm 2018 là 95,6%, sau đó ổn định quanh mức 90% năm 2019 2020 .

Hệ số lý tưởng nhất trong khoảng 70% - 80%, chỉ tiêu H2 của chi nhánh luôn cao hơn hệ số lý tưởng điều đó cho thấy việc sử dụng vốn tín dụng quá mức có thể dẫn đến rủi ro thanh khoản.

2.2.4.Nợ xấu/Tổng dư nợ

Là tỷ trọng những món nợ mà ngân hàng mất khả năng chi trả trong một khoảng thời gian nhất định, đây là nhóm nợ không mong muốn của Ngân hàng. Chỉ tiêu này đo lường chất lượng nghiệp vụ tín dụng của ngân hàng. Những ngân hàng có chỉ số này thấp cũng có nghĩa là chất lượng tín dụng của ngân hàng này cao. Nhìn vào bảng số liệu nợ xấu trong khoảng 1,1% đến 1,5 %, có xu hướng tăng điều đó chứng tỏ chất lượng tín dụng của chi nhánh chưa tốt do số liệu nợ xấu tăng.

Hoạt động tín dụng của Viettinbank Chi nhánh Kon Tum trong năm 2018 chịu nhiều tác động bất lợi của tình hình kinh doanh các doanh nghiệp gỗ trong Tỉnh vay vốn của ngân hàng không thể trả được nợ đúng hạn. Nền kinh tế Việt Nam năm 2018 gặp nhiều thách thức điều này đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của các doanh nghiệp, khiến nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn trong thực hiện các cam kết trả nợ với ngân hàng. Tỷ lệ nợ xấu của ngân hàng tăng lên là một thực tế khó tránh khỏi.

Nhìn chung chỉ tiêu này thấp dưới 2%, có được điều này là do ngân hàng có sự nỗ lực trong công việc từ ban giám đốc cho đến các nhân viên. Từ kết quả này có thể khẳng định công tác tín dụng tại Viettinbank Chi nhánh Kon Tum là có hiệu quả, luôn nằm trong tầm kiểm soát của ngân hàng. Là tỷ trọng những món nợ mà ngân hàng mất khả năng chi trả trong một khoảng thời gian nhất định, đây là nhóm nợ không mong muốn của Ngân hàng. Chỉ tiêu này đo lường chất lượng nghiệp vụ tín dụng của ngân hàng. Những ngân hàng có chỉ số này thấp cũng có nghĩa là chất lượng tín dụng của ngân hàng này cao. Nhìn vào bảng số liệu nợ xấu trong khoảng 0,9% đến 1,15 % đều đó chứng tỏ chất lượng tín dụng của chi nhánh tốt.

Bảng 2.7: Phân loại nợ xấu theo nhóm Viettinbank chi nhánh Kon Tum

Chỉ tiêu	2018	2019	2020
Tổng dư nợ	2.786	3.170	4.120
Nhóm 1	2.655	3.083	3.990
Nhóm 2	50	52	68
Nhóm 3	19,85	24,87	53,10
Nhóm 4	8	6	5,5
Nhóm 5	3,35	4	3,2
Tổng nợ xấu	31,20	34,87	61,80
Tỷ lệ nợ xấu	1,12%	1,10%	1,50%

Nguồn: Tác giả tự tổng hợp từ các báo cáo hoạt động kinh doanh qua Viettinbank Chi nhánh Kon Tum

Nợ xấu của ngân hàng tăng lên là một thực tế khó tránh khỏi, nợ xấu tăng có xu hướng tăng về giá trị. Nguyên nhân do từ công tác quản lý chi nhánh chưa tốt và tình hình kinh doanh các doanh nghiệp gõ trong Tỉnh vay vốn của ngân hàng không thể trả được nợ đúng hạn từ các năm trước.

Cùng với sự gia tăng của tổng dư nợ, giá trị tổng nợ xấu cũng gia tăng, tuy nhiên sự thay đổi của các nhóm nợ sự khác biệt giữa các năm. Nhóm 1 chiếm tỷ trọng cao (trung bình trên 98%) và đáng chú ý là các khoản nợ nhóm 3 có dấu hiệu tăng lên cuối năm 2020. Nguyên nhân của sự tăng nợ nhóm 3 do ảnh hưởng một phần “Covid và thị trường BĐS”, ảnh hưởng trực tiếp đến khách hàng vay vốn gặp khó khăn trong thực hiện các cam kết trả nợ với ngân hàng làm cho tình hình nợ xấu có dấu hiệu gia tăng nhanh chóng

Nhìn chung chỉ tiêu này vẫn thấp dưới 2%, có được điều này là do ngân hàng có sự nỗ lực trong công việc từ ban giám đốc cho đến các nhân viên. Từ kết quả này có thể khẳng định công tác tín dụng tại Viettinbank Chi nhánh Kon Tum là có hiệu quả, luôn nằm trong tầm kiểm soát của ngân hàng.

2.2.5. Tỷ lệ dự phòng rủi ro tín dụng

Dự phòng rủi ro tín dụng là khoản tiền được trích lập để dự phòng tổn thất có thể xảy ra khi khách hàng của ngân hàng không thực hiện nghĩa vụ theo cam kết.

Viettinbank thực hiện trích lập dự phòng trên nguyên tắc:

- + Trích lập dự phòng cụ thể trước, dự phòng chung sau.
- +Trích lập dự phòng rủi ro cụ thể theo thứ tự khoản nợ/KH có mức độ rủi ro từ cao xuống thấp.

+ Trường hợp không trích đủ dự phòng rủi ro theo quy định, ĐVTV phải xác định rõ KH/Khoản nợ chưa trích đủ đề nghị TCS trích bổ sung phần DPRR còn trích nhiều.

Bảng 2.8: Phân loại tài sản theo phương pháp định lượng, định tính và mức trích lập dự phòng.

Phân loại	Định Lượng	Định Tính	Tỷ lệ mức trích DPRR
Nhóm 1 (Nợ tiêu chuẩn)	<ul style="list-style-type: none"> - Nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn; - Nợ quá hạn đến 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản nợ được Viettinbank đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn. - Các cam kết ngoại bảng được Viettinbank đánh giá là khách hàng có khả năng thực hiện nghĩa vụ theo cam kết. 	0%
Nhóm 2 (Nợ cần chú ý)	<ul style="list-style-type: none"> - Nợ quá hạn trên 10 đến 90 ngày; - Nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu 	<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản nợ được Viettinbank đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi nhưng có dấu hiệu KH suy giảm khả năng trả nợ. - Các cam kết ngoại bảng được Viettinbank đánh giá là khách hàng có khả năng thực hiện nghĩa vụ theo cam kết nhưng có dấu hiệu KH suy giảm khả năng thực hiện cam kết. 	5%
Nhóm 3 (Nợ dưới tiêu chuẩn)	<ul style="list-style-type: none"> - Nợ quá hạn từ 91 đến 180 ngày; - Nợ gia hạn nợ lần đầu; - Nợ được miễn giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng TD 	<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản nợ được Viettinbank đánh giá là không có khả năng thu hồi nợ gốc và lãi đúng hạn. Các khoản nợ này Viettinbank đánh giá là có khả năng tổn thất - Các cam kết ngoại bảng được Viettinbank đánh giá là khách hàng không có khả năng thực hiện nghĩa vụ theo cam kết. 	20%

Nhóm 4 (Nợ nghi ngờ)	- Nợ quá hạn từ 181 đến 360 ngày; - Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần 2; -Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn <90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu.	- Các khoản nợ được Viettinbank đánh giá có khả năng tổn thất cao - Các cam kết ngoại bảng mà khả năng khách hàng không thực hiện cam kết rất cao	50%
Nhóm 5 (Nợ có khả năng mất vốn)	- Nợ quá hạn từ 360 ngày; - Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu. -Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ 2 quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần 2.	- Các khoản nợ được Viettinbank đánh giá không còn khả năng thu hồi mất vốn - Các cam kết ngoại bảng mà khách hàng không còn khả năng thực hiện nghĩa vụ cam kết	100%

Nguồn: Phòng Kế hoạch - Tài chính

**Bảng 2.9: Kết quả và tỷ lệ trích lập dự phòng RRTD
Viettinbank Chi nhánh Kon Tum**

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2018	2019	2020
Tổng dư nợ	2.786,00	3.170,00	4.120,00
Dự phòng trích lập	32,22	35,75	53,65
- Dự phòng cụ thể	11,32	11,97	16,57
- Dự phòng chung	20,89	23,77	37,08
Tỷ lệ trích lập dự phòng RRTD (%)	1,16%	1,13%	1,30%

Nguồn: Phòng Kế hoạch - Tài chính

Nhìn chung qua 3 năm ta thấy tỷ lệ dự phòng rủi ro tín dụng ổn định qua các năm dao động ở mức 1,1% đến 1,3%. Xét về giá trị số tiền dự phòng trích lập có sự gia tăng lên đồng nghĩa với tình hình nợ xấu ngày càng gia tăng. Chi nhánh đã có chính sách hợp lý trong việc gia tăng tỷ lệ trích lập dự phòng chung năm 2018, 2019 là 0,75% thì đến năm 2020 tỷ lệ trích lập dự phòng chung là 0,9%.

2.2.6. Khả năng bù đắp rủi ro tín dụng

Chỉ số này phản ánh khả năng bù đắp rủi ro tín dụng của ngân hàng. Nhìn chung ta thấy khả năng bù đắp rủi ro tín dụng của chi nhánh 2018-2019 đều trên 102% do ngân hàng tăng dự phòng rủi ro tín dụng, đến năm 2020 chỉ số này giảm xuống chỉ là 86,8%. Nguyên nhân do nợ xấu gia tăng cụ thể nợ xấu nhóm 3 tăng nhiều năm 2020 trong khi mức trích lập dự phòng rủi ro cho nợ xấu nhóm 3 chỉ là 20%.

Chỉ số này cao sẽ làm cho người gửi tiền cảm thấy yên tâm khi giao dịch với ngân hàng vì ngân hàng luôn có khoản phòng ngừa tốt khi tình trạng nợ xấu xảy ra. Việc tạo chỉ số này ở mức an toàn giúp cho ngân hàng giảm thiểu rủi ro và tạo lòng tin đối với khách hàng của mình rằng ngân hàng luôn có khả năng bù đắp khi rủi ro tín dụng xảy ra

**Bảng 2.10: Kết quả và tỷ lệ trích lập dự phòng RRTD
Viettinbank Chi nhánh Kon Tum**

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2018	2019	2020
Dự phòng trích lập	32.22	35.75	53.65
Nợ xấu	31.20	34.87	61.80
Khả năng bù đắp rủi ro(%)	103.2%	102.5%	86.8%

Nguồn: Phòng Kế hoạch - Tài chính

2.2.7. Tỷ trọng thu nhập từ hoạt động tín dụng

Không thể nói một khoản tín dụng có chất lượng cao khi nó không đem lại một khoản thu nhập cho ngân hàng. Nguồn thu từ hoạt động tín dụng là nguồn thu chủ yếu để ngân hàng tồn tại và phát triển, tỷ trọng thu nhập từ hoạt động tín dụng luôn chiếm trên 90% trong tổng thu nhập của ngân hàng. Nếu ngân hàng chỉ chú trọng duy trì một tỷ lệ nợ xấu thấp mà không sinh lợi thì hoạt động tín dụng cũng không còn ý nghĩa. Do đó, để hoạt động tín dụng có chất lượng thì ngân hàng có kế hoạch cân đối giữa rủi ro và lợi nhuận.

**Bảng 2.11: Các chỉ tiêu đánh giá chất lượng tín dụng tại Viettinbank
Chi nhánh Kon Tum**

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	ĐVT	2018	2019	2020
1. Lãi từ hoạt động tín dụng	%	682,9866	698,418	727,05
2. Tổng thu nhập	Tỷ đồng	711	723	750
3. Tỷ trọng thu nhập từ hoạt động tín dụng	%	96,06	96,6	96,94

Nguồn: Phòng Kế hoạch - Tài chính Viettinbank Chi nhánh Kon Tum

Mặc dù doanh số cho vay và dư nợ cho vay có sự tăng trưởng năm 2020 so với năm 2019, tuy nhiên thu nhập từ hoạt động tín dụng không có sự tăng trưởng tương ứng. Đó là ảnh hưởng yếu tố kinh tế vĩ mô cụ thể là ảnh hưởng chính sách điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Nhà nước trước tình hình diễn biến phức tạp dịch Covid.

Sau một thời gian ổn định, từ cuối năm 2018, lãi suất huy động trên thị trường đã có xu hướng tăng lên rõ rệt và gây nhiều lo lắng trong năm 2019. Lãi suất huy động cao nhất

tại các ngân hàng có lúc lên đến trên 10%/năm, trong khi đó, mức lãi suất 8-9%/năm cũng trở nên phổ biến hơn. Cuộc chạy đua lãi suất tại các ngân hàng nhỏ cũng khiến các ngân hàng lớn muốn giảm hoặc giữ nguyên cũng không được vì sợ mất khách. Điều này là một trong những lý do khiến mục tiêu giảm lãi suất cho vay nhằm hỗ trợ doanh nghiệp trở nên thêm khó khăn.

Trong bối cảnh đó, trong năm 2019, Ngân hàng Nhà nước đã có nhiều quyết định quan trọng để thực hiện nới lỏng chính sách tiền tệ, tác động lên mặt bằng lãi suất.

Tháng 9/2019, Ngân hàng Nhà nước đã nới nhẹ chính sách tiền tệ bằng cách cắt giảm lãi suất tái chiết khấu và lãi suất tái cấp vốn ở mức 25 điểm cơ bản, xuống lần lượt còn 4% và 6%. Đây cũng là đợt điều chỉnh đầu tiên trong hơn 2 năm, kể từ tháng 7/2017. Quyết định có hiệu lực từ ngày 16/9/2019.

Năm 2020, lần đầu tiên chỉ trong vòng một năm, Ngân hàng Nhà nước đã 3 lần giảm lãi suất điều hành. Theo đó, lãi suất điều hành đã giảm từ 1,5%-2%/năm; trần lãi suất tiền gửi giảm từ 0,6%-1%/năm; trần lãi suất cho vay đối với các lĩnh vực ưu tiên giảm 1,5%/năm,... thể hiện qua Thông tư 01/2020/TT-NHNN ban hành ngày 13/03/2020.

Việc Ngân hàng Nhà nước điều chỉnh giảm lãi suất điều hành đã hỗ trợ thanh khoản cho các tổ chức tín dụng, giảm chi phí vay vốn của người dân và doanh nghiệp trong bối cảnh khó khăn do tác động của COVID-19.

Ngân hàng Nhà nước đã điều hành đồng bộ các công cụ chính sách tiền tệ để kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, thị trường tiền tệ và giảm mặt bằng lãi suất thị trường, hỗ trợ phục hồi tăng trưởng kinh tế.

Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã sử dụng nhiều biện pháp để điều hành nền kinh tế, điều hành chính sách tiền tệ quốc gia nhằm kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô. Tuy nhiên thị trường tiền tệ diễn biến bất thường, cùng với tác động xấu của dịch Covid đã tác động ở 3 khía cạnh quan trọng tới hoạt động của Ngân hàng TMCP. Thứ nhất là cầu tín dụng giảm do nhu cầu tín dụng của các doanh nghiệp, hộ gia đình thấp hơn. Tác động thứ hai là tiềm ẩn nợ xấu tăng, khi các doanh nghiệp, hộ gia đình chịu tác động tiêu cực từ dịch bệnh, dẫn đến hoạt động sản xuất - kinh doanh gặp khó khăn. Thứ ba là nhu cầu giao dịch qua ngân hàng số, thanh toán không dùng tiền mặt tăng do một số khách hàng ngại tiếp xúc.

Tóm lại, qua các chỉ tiêu trên có thể kết luận rằng hoạt động tín dụng của ngân hàng trong những năm qua có xu hướng ngày càng hiệu quả. Mặc dù gặp phải chịu sự cạnh tranh gay gắt của các ngân hàng thương mại khác, nhưng vốn huy động của ngân hàng vẫn tăng liên tục qua các năm, quy mô tín dụng ngày càng được mở rộng, tỷ lệ xấu được duy trì ở mức thấp. Với kết quả trên sẽ làm nền tảng và định hướng cho hoạt động của ngân hàng trong thời gian tới ngày càng tốt hơn góp phần làm tăng uy tín ngân hàng.

2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG CHẤT LƯỢNG TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH KON TUM

2.3.1. Những kết quả đạt được

Trong những năm qua Viettinbank Chi nhánh Kon Tum đã có những thành công đáng khích lệ trong hoạt động kinh doanh nói chung và hoạt động tín dụng nói riêng. Cụ thể:

- Thứ nhất: Về quy mô tín dụng của chi nhánh qua những năm qua có tốc độ tăng trưởng rất tốt.

- Thứ hai: Quy trình tín dụng, quá trình thẩm định đã được thể hiện chặt chẽ, việc đánh giá khách hàng được thực hiện cả về mặt định tính và định lượng để đưa đến kết luận chính xác về năng lực của khách hàng. Phân loại bảo đảm tín dụng được thực hiện tương đối tốt trong đó có đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay được áp dụng đối với khách hàng có độ tín nhiệm cao, có mối quan hệ thường xuyên với ngân hàng và giá trị khoản vay tương đối lớn. Khi đánh giá tài sản đảm bảo, một mặt ngân hàng căn cứ vào quy định của Nhà nước, mặt khác tham khảo giá cả trên thị trường để đảm bảo việc đánh giá được chính xác.

- Thứ ba: Ngân hàng đã duy trì một danh mục tín dụng với chất lượng cao, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ xấu thấp so với hệ thống NHTM nói chung và hệ thống VIETTINBANK nói riêng. Định kỳ ngân hàng tiến hành phân loại nợ nhằm đánh giá đúng các khoản dư nợ mà ngân hàng đầu tư để trích lập dự phòng rủi ro cho phù hợp. Công tác thanh tra, kiểm soát cũng được thực hiện nghiêm túc bằng nhiều hình thức như: kiểm tra trước, trong và sau khi cấp tín dụng, kiểm tra đột xuất, kiểm tra chéo, kiểm tra của lãnh đạo ngân hàng và cơ sở. Vì vậy, ngân hàng đã phát hiện kịp thời các sai sót trong quá trình cấp tín dụng và có những biện pháp chấn chỉnh, đảm bảo khoản tín dụng an toàn và chất lượng.

- Thứ tư: Ngân hàng thường xuyên tiến hành tập huấn, đào tạo chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ tín dụng và có một số thay đổi khá hợp lý để nâng cao hiệu quả công việc, sắp xếp công việc phù hợp với năng lực, trình độ của từng cán bộ nhân viên. Ngân hàng cũng đã thực hiện đa dạng hóa khách hàng và hoạt động tín dụng, góp phần phân tán rủi ro, từ đó nâng cao chất lượng tín dụng.

Có thể nói, chất lượng tín dụng của ngân hàng trong những năm qua tương đối tốt. Điều đó không chỉ thể hiện qua những con số, mà còn được thể hiện bởi việc thực hiện theo quy trình tín dụng, quy định tín dụng. Việc giám sát, kiểm tra, quản lý tín dụng luôn được thực hiện một cách thường xuyên, chính xác và kịp thời.

2.3.2. Những hạn chế về chất lượng tín dụng và nguyên nhân

a. Những hạn chế về chất lượng tín dụng

- Nợ xấu vẫn còn và có xu hướng tăng.
- Công tác thẩm định tín dụng chưa chặt chẽ.
- Cơ cấu tín dụng chưa hợp lý

b. Nguyên nhân hạn chế

➤ *Nguyên nhân dẫn đến nợ xấu vẫn còn và có xu hướng tăng.*

* *Nguyên nhân từ phía Ngân hàng*

- Từ phía các cán bộ tín dụng :

Cán bộ tín dụng phải là người có kiến thức, có khả năng phân tích thị trường tốt, nắm vững quy luật và thực tiễn cung – cầu vốn tín dụng trong nền kinh tế, có sự hiểu biết khá toàn diện để có thể tư vấn cho khách hàng, có sự nhạy cảm và linh hoạt trong tín dụng khách hàng. Việc quản lý rủi ro tín dụng và nâng cao chất lượng tín dụng đòi hỏi phải có những cán bộ tín dụng có đạo đức, trách nhiệm đối với nghề nghiệp. Nếu cán bộ tín dụng có trình độ chuyên môn vững mà tư cách đạo đức kém sẽ dẫn đến khả năng thông đồng với kẻ gian lừa đảo vốn tín dụng của ngân hàng, gây tổn thất cho ngân hàng.

- Từ phía thông tin tín dụng :

Thông tin về khách hàng là một nguồn thông tin rất quan trọng đối với công tác tín dụng , nguồn thông tin này bao gồm những thông tin về tình hình tài chính thể hiện trên báo cáo tài chính hàng tháng của doanh nghiệp hoặc thông tin từ các cơ quan ngôn luận khác như báo đài hoặc từ nội bộ ngân hàng, từ Bộ chủ quản. Trong nhiều trường hợp do thiếu thông tin hoặc thông tin sai lệch, thiếu chính xác mà cán bộ tín dụng do chủ quan không kiểm tra chi tiết , cụ thể hoặc kiểm tra sơ sài trong khi khách hàng cố tình che đậy thông tin hoặc đưa thông tin không chính xác dẫn tới nhận định sai lầm về khách hàng và rủi ro xảy ra. Đặc biệt ở nước ta tính chính xác của thông tin do các doanh nghiệp cung cấp là không đảm bảo vì nhiều lý do trong khi đó công tác kiểm tra, kiểm toán doanh nghiệp chưa được chú trọng đúng mực.

* *Nguyên nhân từ phía khách hàng.*

- Do năng lực người đi vay kém.

Năng lực người đi vay yếu kém thể hiện là sự yếu kém trong khâu tổ chức nhân sự, quản lý nội bộ, quản lý và sử dụng vốn cũng như tổ chức mạng lưới phân phối, bán hàng chưa bộc lộ được ưu điểm, thế mạnh...

Những khoản tín dụng được cấp không phải là liều thuốc hữu hiệu cho mọi doanh nghiệp, tác dụng của nó đến đâu lại phụ thuộc vào bản thân người đi vay sử dụng nó như thế nào.

- Do tư cách người đi vay kém.

Đôi khi rủi ro khách hàng gây ra cho ngân hàng không phải bởi trình độ, năng lực khách hàng hạn chế mà do yếu kém về tư cách đạo đức. Mặc dù người vay thường cam kết sẽ trả nợ đúng hạn và đầy đủ theo như những điều khoản trong hợp đồng tín dụng . Song có những khách hàng có ý định lừa đảo nhằm chiếm dụng vốn của Ngân hàng ngay từ đầu. Điều này cũng một phần do cán bộ tín dụng chưa cẩn thận và xem xét một cách thiếu toàn diện tư cách đạo đức của người vay.

- Do doanh nghiệp bán hàng mà chưa thu hồi được vốn.

Đây là một hiện tượng khá phổ biến trong nền kinh tế thị trường do hiện tượng mua – bán chịu. Một số công ty đã trao hàng nhưng bị đối tác dây dưa hoặc tình hình tài chính

khó khăn đột ngột dẫn tới việc không trả được tiền hàng, do vậy người vay cũng không thu hồi kịp số vốn vay nên chậm thanh toán nợ cho Ngân hàng.

➤ *Nguyên nhân dẫn đến công tác thẩm định tín dụng chưa chặt chẽ.*

Do trình độ nghiệp vụ của cán bộ tín dụng trẻ còn chưa vững, thiếu kinh nghiệm, đặc biệt là những cán bộ trẻ, chưa nắm bắt được thông tin về mọi hoạt động của khách hàng vay vốn, khả năng điều tra, tìm kiếm thông tin còn hạn chế. Bên cạnh đó, việc xử lý thông tin còn yếu kém dẫn đến việc thẩm định, phân tích khách hàng vay vốn đạt hiệu quả không cao.

Do một số cán bộ tín dụng không thực hiện đúng quy trình tín dụng. Quy trình tín dụng được coi là kim chỉ nam cho hoạt động tín dụng của bất kỳ cán bộ tín dụng nào. Tuy nhiên, trong quá trình xử lý tình huống tín dụng cụ thể thì các cán bộ tín dụng có thể không thực hiện đầy đủ dẫn đến nguy cơ họ mắc sai lầm là rất lớn, mang lại rủi ro tín dụng cho Ngân hàng. Mặc dù các ngân hàng đều quy định việc tín dụng phải thực hiện theo đúng quy định của NHNN nhưng thực ra những quy tắc này đôi khi còn mơ hồ.

Do việc kiểm tra, kiểm soát sau tín dụng của cán bộ tín dụng không tốt. Hoạt động tín dụng là một hoạt động rất phức tạp và nhạy cảm, không phải cứ thực hiện tốt theo quy trình tín dụng là đã xong mà còn phải theo dõi quá trình sử dụng vốn có đúng mục đích hay không, doanh nghiệp gặp phải những khó khăn gì trong quá trình hoạt động để chủ động đưa ra các giải pháp, sự tư vấn thiết thực.

➤ *Nguyên nhân dẫn đến cơ cấu tín dụng chưa hợp lý*

- Vốn tín dụng tập trung vào một số doanh nghiệp lớn, dự án lớn, trong một lĩnh vực nên ngân hàng phải đối mặt với rủi ro cao khi các doanh nghiệp làm ăn thua lỗ hoặc phá sản.

- Ngân hàng nằm trên địa bàn dân cư đông đúc và hoạt động kinh doanh diễn ra sôi nổi nên đã thu hút được nhiều khách hàng song do phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt của hàng loạt các ngân hàng khác

CHƯƠNG 3

CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TÍN DỤNG CỦA NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH KON TUM

3.1 ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG CỦA NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH KON TUM

Trong thời gian qua hoạt động của ngân hàng đang cố gắng hướng tới việc cố gắng đạt chỉ tiêu do ngân hàng nhà nước đặt ra là tăng trưởng tín dụng là 18 - 20%/năm . Chính vì vậy mà định hướng hoạt động của ngân hàng Viettinbank nói chung cũng như của chi nhánh ngân hàng tại Kon Tum nói riêng đó là: tổ chức thực hiện chính sách tiền tệ chặt chẽ, thận trọng, linh hoạt, phối hợp hài hòa với các chính sách tài khóa, đặc biệt là đảm bảo khả năng thanh khoản của các tăng trưởng tín dụng . Thứ hai là tăng cường quản trị rủi ro và phát triển bền vững. Thứ ba là tiếp tục thực hiện chiến lược dài hạn của mình đó là đưa ứng dụng khoa học công nghệ cao nhằm hiện đại hóa nền nông nghiệp Việt Nam. Thứ tư vẫn luôn đảm bảo tỷ lệ nợ quá hạn đạt mức an toàn. Thứ năm luôn cần chú trọng đến chất lượng của đội ngũ hoạt động tín dụng cũng như chú trọng đến công tác quản lý rủi ro tín dụng .

3.2 CÁC PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG CHẤT LƯỢNG TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH KON TUM

3.2.1. Hoàn thiện và tuân thủ nghiêm ngặt quy trình tín dụng

Quy trình tín dụng của ngân hàng luôn được áp dụng và vận hành một cách khoa học. Tuy nhiên trong quá trình thực tế thực hiện thì chúng ta cần chú trọng hơn vào các giai đoạn:

Giai đoạn 1: kiểm tra thông tin trong hồ sơ khách hàng, đây là bước hết sức quan trọng và cần phải tiến hành cẩn thận. Bởi thông tin khách hàng đưa ra sẽ gần như mang tính quyết định em chúng ta có tín dụng hay không. Nên để tránh độ rủi ro cao thì chúng ta phải xác minh lại những thông tin đó có chính xác hay không bởi những thông tin từ phía khách hàng đôi khi chỉ là những thông tin chủ quan từ phía họ. vì vậy cán bộ tín dụng phải tận dụng hết toàn bộ thông tin có được từ cơ quan ban ngành có chức năng, từ trung tâm thông tin tín dụng của NHNN để xác thực lại.

Giai đoạn 2: thẩm định phương án vay vốn và khả năng trả nợ. khi thẩm định phương án vay vốn thì nhân viên tín dụng cần phải tìm hiểu kỹ càng và chính xác nguồn vốn tự có mà doanh nghiệp đang có, tính hình kinh doanh hiện nay của doanh nghiệp như thế nào có thể có đủ khả năng khai thác hiệu quả nguồn vốn tín dụng hay không và có khả năng trả nợ trong thời gian nhanh hay chậm. Bởi thực tế cho ta thấy rằng nếu một dự án có tỷ lệ vốn tự có lớn thì họ sẽ sử dụng nguồn vốn có hiệu quả hơn và rủi ro sẽ hạn chế rất nhiều. Cần đảm bảo một số tỷ lệ như sau: tỷ lệ vốn tự có trên vốn đi vay là lớn hơn 1, lãi ròng và khấu hao lớn hơn tổng nợ đến hạn phải trả... cần yêu cầu doanh nghiệp phải nộp báo cáo tài chính, kinh doanh sản xuất của mình hàng tháng, hàng quý.

Khi đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng vay vốn thì cán bộ tín dụng cần phải

biết được là doanh nghiệp đã dùng nguồn tiền từ đâu để trả nợ chính thức, các nguồn thu khác khi mà khách hàng cam kết trả cho ngân hàng khi nguồn trả nợ chính đó gặp vấn đề. Bên cạnh đó không thể không xem xét những rủi ro tiềm tàng có thể xảy ra mà bước đầu chưa thẩm định được nhằm điều chỉnh thời hạn tín dụng và thu hồi nợ hợp lý. Trong bất kỳ trường hợp nào thì cán bộ tín dụng cũng phải tránh quan điểm tín dụng hoàn toàn dựa vào tài sản đảm bảo trực tiếp hoặc của bên thứ ba bả lãnh vì việc xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ thường mất nhiều thời gian và tiền của.

Giai đoạn 3: quyết định tín dụng . Trước khi đưa ra quyết định tín dụng thì cần phải tập hợp lại những thông tin mà đã thu thập được về khách hàng, thị trường, chính sách kinh tế... để có thể hiểu được rõ hơn những rủi ro có thể sẽ gặp phải khi quyết định tín dụng . Cần phải kiểm tra kỹ lưỡng hơn nữa một lần cuối cùng về những thông tin này.

Đối với những khoản vay cần thông qua hội đồng tín dụng để xét duyệt thì cần phải có thời gian nghiên cứu hồ sơ cụ thể và phải có ý kiến bằng văn bản của tất cả các thành viên hội đồng trước khi họp để ra quyết định.

Giai đoạn 4: kiểm tra sử dụng vốn sau khi tín dụng . Đây là giai đoạn rất có ý nghĩa trong việc phòng ngừa rủi ro và giảm thiểu rủi ro. Bởi một khoản vay tốt đến mấy cũng có những sai sót nhất định. Việc kiểm tra này để đảm bảo nó hoạt động tốt theo đúng dự kiến, các khoản vay không bị xấu đi khi đưa vào sử dụng, tránh gây hậu quả nặng nề. Các vấn đề cần xem xét sau khi tín dụng như:

- Cần theo dõi cẩn thận tình hình sử dụng vốn vay của khách hàng em nguồn vốn có được sử dụng đúng như trong hợp đồng đã ký không? Nếu có sai lệch thì cần phải có nguyên nhân hợp lý

- Mô tả thực tế sử dụng vốn vay so với các chứng từ đã xuất trình hoặc dự kiến ban đầu

- Ngân hàng cần phải quản lý, nắm rõ được những nguồn thu nhập của khách hàng. Trong hợp đồng ký kết trước khi tín dụng vốn thì cần phải thỏa thuận về việc khách hàng chuyển doanh thu và sử dụng các dịch vụ tại ngân hàng. Điều này giúp cho ngân hàng biết được nguồn trả nợ cũng như thông qua các phí dịch vụ tăng thêm nguồn thu cho ngân hàng

- Cần phải thực hiện những phép so sánh đối với những yếu tố trong dự án ban đầu với những gì thực tế xảy ra như: thị trường tiêu thụ, tình hình cơ sở vật chất và tình trạng của tài sản thế chấp, cầm cố tại thời điểm kiểm tra

- Cần theo dõi những thay đổi trong hoạt động tổ chức kinh doanh, bộ máy quản lý, tính hình tài chính, nhân sự, nguồn thu nhập...tất cả những yếu tố có thể ảnh hưởng đến việc trả nợ của khách hàng

Các cán bộ cần kiểm tra tốt giai đoạn này trên tinh thần trung thực và có trách nhiệm cao. Nếu có thể phát hiện ra những điều bất thường của khoản vay càng sớm càng tốt để có hướng giải quyết tốt nhất. Cần thiết nên thành lập một ban kiểm tra chéo nhau trong giai đoạn này để đảm bảo tính khách quan trong công tác kiểm tra.

Ngoài ra có những thay đổi trong nhân sự của các cán bộ kiểm tra thì cần phải bàn giao lại công việc một cách rõ ràng từ công việc đến trách nhiệm.

3.2.2. Hoàn thiện và nâng cấp hệ thống thông tin đánh giá khách hàng

Trong các ngành kinh tế thông tin đóng vai trò rất quan trọng và nay đặc biệt trong ngân hàng thì thông tin có vai trò như mang tính quyết định đến thành bại của một hợp đồng tín dụng. Chính vì vậy nâng cao hệ thống thông tin khách hàng là một việc cấp thiết.

Các thông tin cần thu thập về khách hàng, về đánh giá giá trị tài sản đảm bảo, thông tin về tiềm năng của khách hàng, về tiềm năng thị trường tiêu thụ sản phẩm của dự án, tiềm năng phát triển dự án... việc hệ thống thông tin không đầy đủ dữ liệu hoặc không chính xác sẽ gây khó khăn trong việc phân tích khách hàng. Mặc dù hiện nay có hệ thống thông tin trong nguồn thông tin tín dụng CIC. Tuy nhiên do vẫn chưa thật sự phát triển nhiều, nên thông tin vẫn còn có nhiều hạn chế. Bên cạnh đó cũng có nhiều phương pháp như liên hệ giữa nhiều ngân hàng có thể trao đổi thông tin cho nhau tuy nhiên vẫn có sự cạnh tranh trong các ngân hàng nên cách này vẫn còn có nhiều hạn chế. Chính vì vậy nâng cao hệ thống thông tin đánh giá khách hàng là vô cùng cần thiết. Để hoàn thiện và nâng cấp hệ thống thông tin cần:

- Lập các ngân hàng dữ liệu, tổng hợp lại các thông tin mình đã có được
- Cần đa dạng hóa các nguồn thông tin cần trực tiếp đi thu thập thông tin thực tế. có thể thu thập thông tin từ các đối tác khách hàng hoặc từ các ngân hàng bạn
- Cần thiết có thể thành lập tổ thông tin tín dụng ngân hàng để bổ sung thêm một kênh có những thông tin để đối chiếu lại những thông tin không cân xứng nhằm hạn chế rủi ro

3.2.3. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Các cán bộ tín dụng đóng vai trò quan trọng nhất quyết định đến sự thành công hay là thất bại trong một hợp đồng tín dụng. Chính vì vậy nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là điều không thể thiếu. giải pháp này cần được tập trung vào những điểm sau:

- Đào tạo đội ngũ cán bộ bằng cách thường xuyên tổ chức các lớp huấn luyện đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ để cập nhật những thông tin mới nhất cũng như những thông tin mới nhất, quy định pháp luật mới nhất về tín dụng. cần thiết phải bồi dưỡng thêm cho các cán bộ chuyên môn về ngoại ngữ để phục vụ cho nhóm khách hàng dùng vốn đầu tư nước ngoài
- Cần đòi hỏi cao tính trung thực của các cán bộ. phải luôn yêu cầu mỗi cán bộ ngân hàng luôn tu dưỡng về phẩm chất đạo đức, nêu cao ý thức trách nhiệm. cán bộ cương vị càng cao thì càng phải gương mẫu. Cần có chế độ khen thưởng hợp lý, công bằng

3.2.4. Giải pháp xử lý nợ tồn đọng, nợ khó đòi và nợ quá hạn

- Quản lý nợ tồn đọng, nợ khó đòi, nợ quá hạn là một công việc trong toàn bộ quá trình phòng ngừa, kiểm tra, giám sát các rủi ro có thể xảy ra. Điều này thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng.

Cần thực hiện các biện pháp thu hồi nợ quá hạn. Đối với khoản nợ quá hạn bình thường thì cần đôn đốc nhanh quá trình thu hồi bên cạnh đó cũng cần phải kiểm tra tính hình tài chính, tài sản đảm bảo như trong hợp đồng. Ngân hàng cũng cần có biện pháp và

cách thức giúp đỡ cho khách hàng có thể giải quyết được khó khăn trước mắt, điều này là tạo ra hai bên đều có lợi. căn cứ theo tình hình cụ thể từng khoản nợ mà có cách giải quyết khác nhau như xử lý tài sản tiền vay, khoan nợ xóa nợ, thanh lý doanh nghiệp, bán nợ cho các tổ chức có khả năng mua, sử dụng quỹ dự phòng. Quỹ dự phòng giúp ngân hàng đảm bảo an toàn cho các khoản nợ quá hạn. bù đắp được phần nào những tổn thất do tín dụng gây ra.

Nếu như khách hàng có nguyên nhân khách quan mà không thể trả nợ được đúng như thời hạn thì ngân hàng nên tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng

Đối với món nợ có khả năng thu hồi thì yêu cầu gán nợ cho ngân hàng bằng tài sản đảm bảo, phát mại tài sản đảm bảo thu hồi vốn vay, hoặc tiến hành các thủ tục pháp lý nếu có hiện tượng cố ý trả chậm

Đối với khoản nợ không có khả năng thu hồi thì có thể làm thủ tục trích quỹ dự phòng rủi ro để bù đắp

Đối với những món nợ không thu hồi được và có tài sản đảm bảo mà NH không xử lý được thì có thể bàn giao toàn bộ số nợ sang công ty mua bán nợ.

Việc trả nợ phải xem xét một cách kỹ lưỡng, nếu xuất hiện những dấu hiệu của việc chậm trễ thì cần phải có biện pháp điều chỉnh và xử lý ngay

Không chỉ theo dõi từng khoản riêng lẻ mà nên tập trung lại theo dõi theo danh mục để có thể phát hiện những rủi ro tập trung. Cần tổng hợp lại những thông tin như đa số các khoản tín dụng đều có những đặc điểm rủi ro giống nhau như thế nào... điều này có thể rất dễ gây rủi ro ngành

3.2.5. Nâng cao chất lượng thẩm định và phân tích tín dụng

Cần chấp hành đúng và thực hiện đúng các quy trình phân tích, các cán bộ tín dụng không nên chủ quan, đánh giá phiến diện từ một chiều mà nên nhìn ở nhiều phương diện để có những đánh giá và kết luận chính xác nhất.

Những cán bộ này cần trực tiếp đi thị sát xem xét hoạt động kinh doanh của khách hàng chứ không nên chỉ ngồi và nhận báo cáo tài chính hàng tháng. Điều này sẽ giúp họ có được thông tin chính xác và kịp thời nếu như có những biến động xảy ra trong quá trình trả nợ. thông tin trên giấy tờ có thể có những điều thiếu sót và không chính xác nên đi thực tế giúp cho ngân hàng có thể khắc phục được một phần nào đó những sai sót này.

3.2.6.. Thiết lập bộ phận riêng chuyên nghiên cứu ngành, phân tích kinh tế

Khi chúng ta nghiên cứu ngành và phân tích kinh tế các ngành để đưa ra hệ thống các chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và từ đó dự báo được xu hướng phát triển của ngành trong tương lai. Chính vì vậy chúng ta có thể phần nào đó dự báo một phần nào những rủi ro có thể xảy ra đối với các ngành kinh tế. Điều này rất quan trọng trong công đoạn có nên quyết định tín dụng hay không.

Việc phân tích này có thể đưa ra được những định hướng cho hoạt động tín dụng , mang lại cho ngân hàng nhiều điểm lợi thế, tăng khả năng cạnh tranh với các đối thủ.

KẾT LUẬN

Chất lượng tín dụng chưa và không bao giờ là vấn đề cũ đối với từng Ngân hàng thương mại nói chung và Viettinbank Chi nhánh Kon Tum nói riêng. Nó luôn đòi hỏi phải được nâng cao trong suốt quá trình hoạt động của ngân hàng. Chuyên đề này đã hệ thống hoá các lý luận cơ bản về tín dụng, chất lượng tín dụng, tầm quan trọng của việc nâng cao chất lượng tín dụng. Từ nghiên cứu lý luận, đã soi rọi vào thực tiễn hoạt động của Viettinbank Chi nhánh Kon Tum, phân tích đánh giá chất lượng tín dụng để từ đó tìm ra nguyên nhân, những nhân tố ảnh hưởng tới chất lượng tín dụng. Từ lý luận và thực tiễn, chuyên đề đã đưa ra một số giải pháp phù hợp với điều kiện hiện nay của Viettinbank Chi nhánh Kon Tum nhằm nâng cao chất lượng tín dụng.

Cho đến nay trong công tác tín dụng, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Kon Tum đã đạt được một số thành tựu đáng kể tuy rằng không phải là không còn hạn chế. Hy vọng rằng trong tương lai Ngân hàng sẽ vẫn duy trì và phát triển hơn nữa những thành quả đó, góp phần cấp vốn một cách có hiệu quả cho kinh tế tỉnh Kon Tum nói riêng và cả nước Việt Nam nói chung.

Bài báo cáo này được hoàn thành trên cơ sở những kiến thức cơ bản đã được trang bị trong nhà trường kết hợp với những số liệu thực tế do Ngân hàng cung cấp, cùng với sự tạo điều kiện, giúp đỡ và chỉ bảo tận tình của anh, chị, em thuộc Ngân hàng TMCP Công Thương chi nhánh Kon Tum và giảng viên hướng dẫn Nguyễn Thị Phương Thảo đã tận tình hướng dẫn em trong suốt quá trình thực tập.

Tuy nhiên, vì thời gian hạn hẹp và vốn kiến thức Tiếng Việt còn hạn chế nên em viết báo cáo không tránh khỏi những thiếu sót, sai lầm. Vì vậy, em rất mong sự đóng góp ý kiến và bổ sung của Quý Ngân hàng, cũng như Quý thầy cô cùng toàn thể các bạn sinh viên để bài báo cáo của em được hoàn thành tốt hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] *Nghiệp vụ Ngân hàng thương mại*, Ts. Nguyễn Minh Kiều (2019), NXB Thống kê, Hà Nội.
- [2] *Tín dụng Ngân hàng*, Ts. Hồ Thị Diệu, NXB Thống kê, 2010
- [3] TS Nguyễn Đăng Dòn (2010), *Tín dụng ngân hàng*, NXB Thống kê
- [4] PGS.TS Phan Thị Thu Hà (2017), *Ngân hàng thương mại*, NXB Đại học kinh tế Quốc dân
- [5] *Mô hình định lượng đánh giá mức độ hài lòng của khách hàng ứng dụng cho hệ thống ngân hàng thương mại*, Đinh Phi Hồ, Tạp chí Phát triển kinh tế (số 26, 2009).
- [6] Lê Trung Thành (2002), *Giáo trình Nghiệp vụ ngân hàng thương mại*, Khoa Quản trị kinh doanh, Đại học Đà Lạt.
- [7] GS.TS Lê Văn Tư (2015), *Giáo trình ngân hàng thương mại*, NXB Thống kê.
- [8] *Quản trị ngân hàng thương mại*, GS.Ts. Nguyễn Văn Tiến, NXB Thống kê, 2013.

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN

Họ và tên sinh viên:

Lớp:

Địa chỉ thực tập:

.....

1. Tiến độ và thái độ thực tập của sinh viên:

- Mức độ liên hệ với giáo viên:
- Thời gian thực tập và quan hệ với cơ sở:
- Tiến độ thực hiện:

2. Nội dung báo cáo:

- Thực hiện các nội dung thực tập:
- Thu thập và xử lý các số liệu thực tế:
- Khả năng hiểu biết về thực tế và lý thuyết:

3. Hình thức trình bày:

4. Một số ý kiến khác:

.....

5. Đánh giá của giáo viên hướng dẫn:

.....

.....

Kon Tum, ngày tháng năm 2021

GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN

